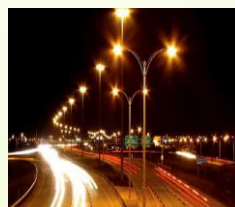


CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE



NEW CHOICE, NEW LIFE

HỒ SƠ NĂNG LỰC



INVENTRONICS

DONE

CREE

PHILIPS

MW
MEAN WELL

EPISTAR



VINSHINE ELECTRIC EQUIPMENT JSC.,

Head office: Hamlet 3, An Duong ward, An Duong district, Hai Phong City, Vietnam

Tel: 0934745377

Email: ngoctu@vinshine.vn

Factory: 746 Nguyen Van Linh Street, Niem Nghia ward, Le Chan district, Hai Phong City, Viet Nam

Website: www.vinshine.vn

HỒ SƠ NĂNG LỰC

1. GIỚI THIỆU
2. CHỨNG CHỈ
3. TEST ĐIỂN HÌNH
4. VẬN HÀNH THÀNH CÔNG
5. HỆ THỐNG NHÀ PHÂN PHỐI & HỢP ĐỒNG THAM KHẢO
6. NĂNG LỰC NHÀ SẢN XUẤT



VINSHINE ELECTRIC EQUIPMENT JSC .,

Head office: Hamlet 3, An Duong ward, An Duong district, Hai Phong City, Vietnam

Tel: 0934745377

Email: ngoctu@vinshine.vn

Factory: 746 Nguyen Van Linh Street, Niem Nghia ward, Le Chan district, Hai Phong City, Viet Nam

Website: www.vinshine.vn

GIỚI THIỆU



VINSHINE ELECTRIC EQUIPMENT JSC.,

Head office: Hamlet 3, An Duong ward, An Duong district, Hai Phong City, Vietnam

Tel: 0934745377

Email: ngoctu@vinshine.vn

Factory: 746 Nguyen Van Linh Street, Niem Nghia ward, Le Chan district, Hai Phong City, Viet Nam

Website: www.vinshine.vn



GIỚI THIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE chúng tôi là đơn vị hàng đầu tại Việt Nam chuyên sản xuất các mặt hàng sản phẩm đèn LED: Đèn công nghiệp (HIGHBAY, UFO, T8, T5), Đèn Đường (LED STREET), Đèn Pha (FLOOD LIGHT), Đèn Văn Phòng (DOWNLIGHT, PANEL, TUBE T8, T5, FIXTURE) và các sản phẩm đèn dân dụng (BULB LED). Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và mạng lưới kinh doanh rộng khắp trên 63 tỉnh thành, đây chuyên sản xuất đèn chiếu sáng của **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE** đi vào hoạt động với niềm tin mang đến chất lượng sản phẩm tốt nhất, hiệu quả nhất cho khách hàng tiêu dùng.

Đèn chiếu sáng cao cấp với đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm luôn cập nhật những công nghệ chiếu sáng hiện đại. Sản phẩm của chúng tôi luôn được đáp ứng tối ưu các nhu cầu của khách hàng. Cụ thể,

- Yêu cầu về chất lượng
- Yêu cầu về tiêu chuẩn
- Yêu cầu về chip led, nguồn led
- Yêu cầu về thời gian cấp hàng

Với mục tiêu hướng đến xuất khẩu, chúng tôi luôn nỗ lực để mang đến cho khách hàng sản phẩm đèn Led chất lượng tốt. Tất cả những thành phần cấu tạo của đèn đều được nhập khẩu từ những đơn vị nổi tiếng trên thế giới. Từ đó đảm bảo chất lượng sản phẩm hoàn hảo mang đến lợi ích tối đa cho người sử dụng. Với phương châm **giá trị tạo ra cốt lõi – NEW CHOICE, NEW LIFE**, chúng tôi đang ngày ngày nỗ lực và cố gắng để có thể đáp ứng tốt nhất!

Chúng tôi hân hạnh được phục vụ quý khách!

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0201817666

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 11 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 23 tháng 10 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINSHINE ELECTRICAL EQUIPMENT
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINSHINE.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ dân phố 3 (tại nhà Bà Nguyễn Thanh Hương), Thị trấn An Dương, Huyện An
Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225.3838919

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 12.500.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười hai tỷ năm trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.250.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHU NGỌC TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/12/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031245455

Ngày cấp: 16/05/2007

Nơi cấp: Công an Hải Phòng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 34 Đ/101/68 Ngô Quyền, Phường Máy Chai,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 34 Đ/101/68 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

23-12-2022

Số chứng thực... 152111... Quyền sở hữu... -SCT/BS

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Ninh



Hoàng Anh Tuấn



VINSHINE ELECTRIC EQUIPMENT JSC.,

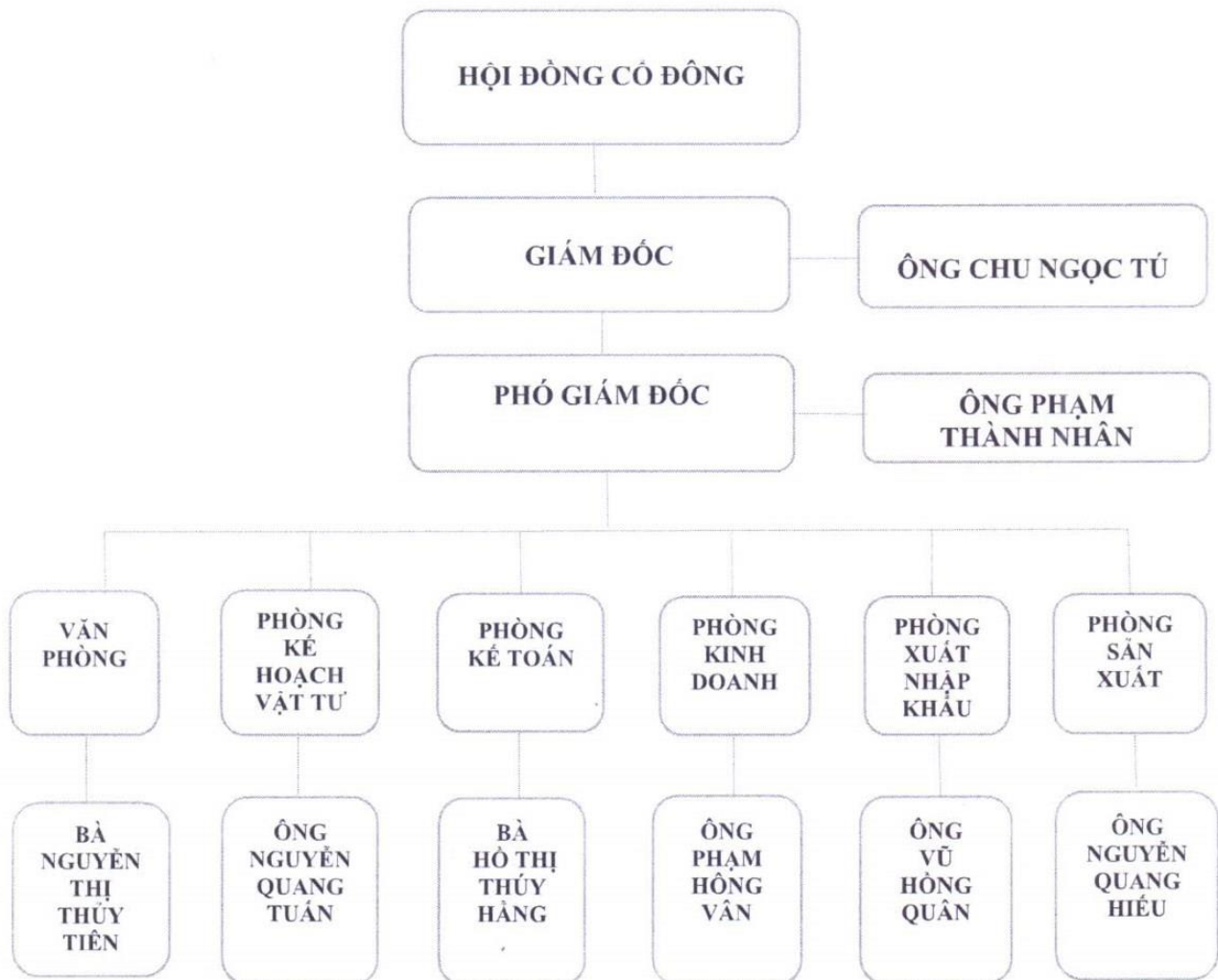
Hamlet 3, An Duong ward, An Duong
district, Hai Phong City, Vietnam
Website: www.vinshine.vn

Tel: 84 - 225 - 3838 919

Fax: 84 - 225 - 3838 919

Email: vsighting@vinshine.vn

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE





VINSHINE ELECTRIC EQUIPMENT JSC.,

Head office: Hamlet 3, An Duong ward, An Duong district, Hai Phong City, Vietnam

Factory: 746 Nguyen Van Linh Street, Niem Nghia ward, Le Chan district, Hai Phong City, Viet Nam

Tel: 0934745377

Email: ngoctu@vinshine.vn

Website: www.vinshine.vn

CHỨNG CHỈ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU
Số: 413956**

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE (VN)
Tổ dân phố 3 (tại nhà bà Nguyễn Thanh Hương), thị trấn An Dương,
huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

Số đơn: 4-2019-51018

Ngày nộp đơn: 16/12/2019

Cấp theo Quyết định số: 17901/QĐ-SHTT, ngày: 14/03/2022

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).



**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

23-12-2022

Số chứng thực 1739 Quyền số 2 - SCT/BS



CỤC TRƯỞNG



VN 4-0413956

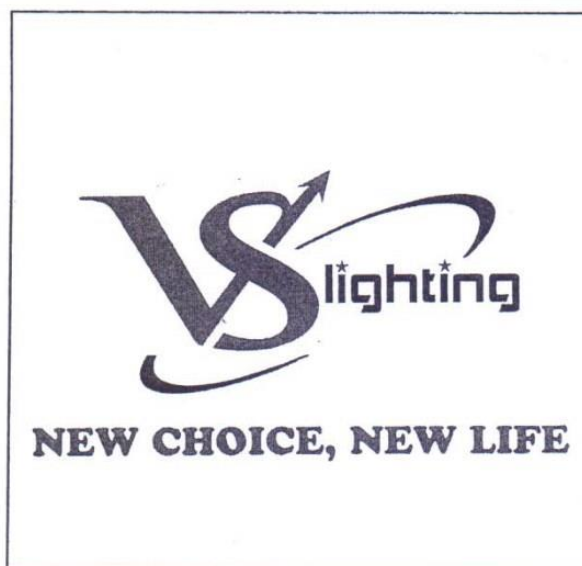
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thùy Ninh

Đinh Hữu Phí

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ: 413956

Mẫu nhãn hiệu:



Màu sắc nhãn hiệu: Đỏ, xanh đen, tím than.

Loại nhãn hiệu: Thông thường

Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng "V", "S", "lighting", "NEW CHOICE, NEW LIFE".

Danh mục sản phẩm/ dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 11: Thiết bị để chiếu sáng.



NEWAGE CERTIFICATION

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA

This is to certify that Quality Management System of

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE

VINSHINE ELECTRICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở: Tổ dân phố 3 (tại nhà Bà Nguyễn Thanh Hương), thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam / Head office: 3rd street group (at her home, Thanh Huong Nguyen), An Duong town, An Duong district, Hai Phong city, Vietnam

Xưởng sản xuất: Số 746 Nguyễn Văn Linh, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam / Factory: No. 746 Nguyen Van Linh, Niem Nghia Ward, Le Chan District, Hai Phong City, Vietnam

Đã được đánh giá và phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

Has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard

ISO 9001:2015

PHẠM VI CHỨNG NHẬN/ SCOPE CERTIFIED:

- Sản xuất và kinh doanh đèn led.
- *Producing and trading led lights.*
- Kinh doanh các sản phẩm cột đèn chiếu sáng, dây và cáp điện.
- *Business of lighting poles, wires and electrical cables.*

Số giấy chứng nhận/ Certification No : 22.12004

Ngày cấp/ Issue date : 26/12/2022

Ngày hết hạn/ Valid date : 25/12/2025

Được phép sử dụng dấu chứng nhận:
Approved to bear certification marks:



GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHẠM THỊ THU HIỀN

CÔNG TY TNHH CHỨNG NHẬN NEWAGE

Trụ sở: 116 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam



GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN CERTIFICATE OF CONFORMITY

Số: SP 2243-22

Chứng nhận sản phẩm/This is to certify that:

Đèn điện chiếu sáng đường phố dạng đèn LED

(Danh mục chi tiết sản phẩm kèm theo Quyết định số: 27619/QĐ-ISSQ, ngày 29 tháng 11 năm 2022)

Nhãn hiệu thương mại:



Của/Of:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE

Địa chỉ/Address:

Tổ dân phố 3, (tại nhà bà Nguyễn Thanh Hương), thị trấn An Dương, huyện An Dương,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Xưởng sản xuất: Số 746 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Phù hợp với/Conforms to:

TCVN 7722-1:2017; TCVN 7722-2-3:2019

(IEC 60598 1:2014 WITH AMD1:2017, IEC 60598-2-3:2011)

Phương thức chứng nhận/Certification system:

Phương thức 5/System 5

Giấy chứng nhận có giá trị/This certificate is valid from:

Từ ngày 29 tháng 11 năm 2022 đến ngày 28 tháng 11 năm 2025

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

GS. TS. Nguyễn Hồng Sơn



TS. Ngô Tất Thắng



VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 52/46, đường Liên Mạc, P. Liên Mạc, Q. Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 2266 1111/ 0981851111; Website: issq.org.vn; Email: tcvn@issq.org.vn

**DANH MỤC SẢN PHẨM ĐÈN ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ DẠNG LED ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN TCVN 7722-1:2017; TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598 1:2014 WITH AMD1:2017, IEC 60598-2-3:2011)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27619 /QĐ-ISSQ, ngày 29 tháng 11 năm 2022)

STT	Tên sản phẩm	Mã đèn	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu
1	Đèn điện chiếu sáng đường phố dạng đèn LED	VS-DD-A	Công suất: (30 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
2		VS-DD-B	Công suất: (60 ÷ 250) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
3		VS-DD-E	Công suất: (50 ÷ 250) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
4		VS-DD-F	Công suất: (50 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
5		VS-DD-G	Công suất: (60 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
6		VS-DD-H	Công suất: (30 ÷ 250) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
7		VS-DD-I	Công suất: (30 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V;	

STT	Tên sản phẩm	Mã đèn	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu
			(100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
8		VS-DD-K	Công suất: (50 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
9		VS-DD-L	Công suất: (100 ÷ 150) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
10	Đèn điện chiếu sáng đường phố dạng đèn LED	VS-DD-N	Công suất: (60 ÷ 300) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
11		VS-DD-O	Công suất: (30 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
12		VS-DD-R	Công suất: (50 ÷ 100) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
13		VS-DD-Q	Công suất: (30 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
14		VS-DD-S	Công suất: (80 ÷ 300) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	

STT	Tên sản phẩm	Mã đèn	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu
15	Đèn điện chiếu sáng đường phố dạng đèn LED	VS-DD-T	Công suất: (50 ÷ 150) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
16		VS-DD-V	Công suất: (50 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
17		VS-DD-U	Công suất: (50 ÷ 250) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
18		VS-DD-V	Công suất: (50 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
19		VS-DD-X	Công suất: (60 ÷ 150) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
20		VS-DD-RM	Công suất: (100 ÷ 300) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
21		VS-DD-RQ	Công suất: (100 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
22		VS-DD-RI	Công suất: (65 ÷ 250) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V;	

STT	Tên sản phẩm	Mã đèn	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu
	Đèn điện chiếu sáng đường phố dạng đèn LED		(100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
23		VS-DD-RP	Công suất: (40 ÷ 180) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
24		VS-DD-RK	Công suất: (60 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
25		VS-DD-RO	Công suất: (65 ÷ 250) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
26		VS-DD-ST01	Công suất: (50 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
27		VS-DD-ST02	Công suất: (60 ÷ 300) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
28		VS-DD-ST03	Công suất: (50 ÷ 300) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
29		VS-DD-ST04	Công suất: (50 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	

STT	Tên sản phẩm	Mã đèn	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu
30	Đèn điện chiếu sáng đường phố dạng đèn LED	VS-DD-ST05	Công suất: (60 ÷ 300) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
31		VS-DD-ST08	Công suất: (50 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
32		VS-DP-A	Công suất: (100 ÷ 600) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
33		VS-DP-B	Công suất: (30 ÷ 200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
34		VS-DP-C	Công suất: (100 ÷ 600) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
35		VS-DP-D	Công suất: (60 ÷ 300) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	
36		VS-DP-G	Công suất: (200 ÷ 1200) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	

STT	Tên sản phẩm	Mã đèn	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu
37	Đèn điện chiếu sáng đường phổ dạng đèn LED	VS-DP-H	Công suất: (480 ÷ 1500) W Điện áp: (85 ÷ 240) V; (85 ÷ 265) V; (90 ÷ 305) V; (100 ÷ 277) V; (220 ÷ 240) V Tần số: (50 ÷ 60) Hz	

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

23-12-2022

Số chứng thực: 15740 Quyển số: 0 - SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thùy Ninh



Ngô Tất Thắng



CÔNG TY TNHH UASL VIỆT NAM

Địa chỉ VP: P2202 CT2B, Tòa nhà Nam Đô, 609 Trương Đình, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0904.699.600 * Email: info@uasl.com * Website: www.uasl.com

GIẤY CHỨNG NHẬN



Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường của:

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE

Trụ sở: Tổ dân phố 3 (tại nhà Bà Nguyễn Thanh Hương), Thị trấn An Dương, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Xưởng sản xuất: Số 746 Nguyễn Văn Linh, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 14001:2015

Cho lĩnh vực:

Sản xuất và kinh doanh đèn led.

**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

23-12-2022

Số chứng nhận : **UASL22.2811**

Ngày ban hành: **28/11/2022**

Ngày hết hạn : **27/11/2025**

Kiểm tra thông tin chứng nhận trên: uasl.com

(Hiệu lực của giấy chứng nhận các năm tiếp theo sẽ được thể hiện kèm theo quyết định duy trì chứng nhận sau mỗi lần đánh giá giám sát)

Số chứng thực: 15742, Quyền số: 02 - SCT/BS



GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU TRANG



VINSHINE ELECTRIC EQUIPMENT JSC .,

Head office: Hamlet 3, An Duong ward, An Duong district, Hai Phong City, Vietnam

Factory: 746 Nguyen Van Linh Street, Niem Nghia ward, Le Chan district, Hai Phong City, Viet Nam

Tel: 0934745377

Email: ngoctu@vinshine.vn

Website: www.vinshine.vn

TEST ĐIỆN HÌNH

Số/No: 22 / TN2 / 4407

Trang/Page: 1 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Đèn điện LED VS-DD-F
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE
- Số lượng mẫu: 01
- Ngày nhận mẫu: 28 / 10 / 2022
- Tình trạng mẫu: Mới
- Thời gian thử nghiệm: 28 / 10 / 2022 ÷ 21 / 11 / 2022
- Phương pháp thử: TCVN 7722-1:2017, 7722-2-3:2019, TCVN 10885-2-1:2015, TCVN 10485:2015, TCVN 11843:2017, IEC 62262:2002, IEC 61643-11:2011, Yêu cầu của Khách hàng

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

Hà Nội, ngày 21 / 11 / 2022
GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

23-12-2022

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thư: 12754... Quyển số: 12... - SCT/22



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thùy Ninh

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tuấn Hải

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 22 / TN2 / 4407

Trang/Page: 2 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Phân loại đèn		TCVN		
	• Cấp bảo vệ chống điện giật		7722-1	--	Cấp I
	• Cấp bảo vệ chống xâm nhập của bụi, vật rắn và hơi ẩm		7722-2-3	--	IP66
	• Vật liệu của bề mặt đỡ (Đèn điện thích hợp/ không thích hợp để lắp đặt trực tiếp lên bề mặt cháy bình thường)		13079-1	--	Thích hợp
	• Trường hợp sử dụng		10885-2-1	--	Bình thường
2	Ghi nhãn		11843		
2.1	Ghi nhãn trên đèn		10886		
	• Xuất xứ		4255	--	VSLIGHTING
	• Kiểu loại		62262	--	VS-DD-F
	• Công suất danh định/ Loại bóng đèn	W	61643-11	--	100/ LED
	• Điện áp/ Dòng điện danh định	V/ A	Yêu cầu	--	220/ 0,48
	• Nhiệt độ xung quanh lớn nhất danh định t_a	°C	của	--	45
	• Ký hiệu đèn cấp II/III		Khách	--	Cấp I
	• Số IP		hàng	--	66
	• Ghi nhãn đầu nối			--	L, N, 
	• Tấm chắn bảo vệ/ Bóng đèn tự che chắn			--	Tự che chắn
2.2	Thông tin bổ sung				
	• Tần số danh định	Hz		--	50
	• Nhiệt độ lớn nhất của cuộn dây t_w	°C		--	Không áp dụng
	• Nhiệt độ lớn nhất của tụ điện t_c	°C		--	Không áp dụng
	• Sơ đồ đấu dây			--	Có nêu
2.3	Thử nghiệm nhãn				
	• Độ bền của nhãn			Phải rõ ràng và đủ độ bền	Đạt
2.4	Thông tin trên tờ hướng dẫn kèm theo				
	• Tư thế đặt theo thiết kế (tư thế làm việc bình thường)			--	Có nêu
	• Khối lượng kể cả bộ điều khiển nếu có	kg		--	6,3
	• Kích thước tổng thể	mm		--	605 x 305 x 110
	• Nếu được thiết kế để lắp đặt cao hơn mặt đất 8 m, diện tích hình chiếu lớn nhất chịu tải trọng gió	m ²		--	0,06
	• Dải tiết diện của dây treo thích hợp với đèn điện, nếu thuộc đối tượng áp dụng	m ²		--	Không áp dụng
	• Sự phù hợp để sử dụng trong nhà với điều kiện là không giảm đi 10 °C từ giá trị nhiệt độ đo được để tính đến các ảnh hưởng của lưu thông không khí tự nhiên			--	Không áp dụng
	• Kích thước của ngăn đặt hộp nối	mm		--	Không áp dụng
	• Giá trị mômen xoắn cần xiết bulông hoặc vít bất kỳ để cố định đèn vào cơ cấu đỡ	Nm		--	20,6
	• Chiều cao lắp đặt lớn nhất liên quan đến bảo vệ được chọn chống rơi mảnh kính	m		--	10
3	Kết cấu		- nt -		
3.1	Thành phần thay thế được			Phù hợp	Đạt
3.2	Đường đi dây			Phù hợp	Đạt

Số/No: 22 / TN2 / 4407

Trang/Page: 3 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
3.3	Đui đèn			--	Không áp dụng
3.4	Đui tắc te			--	Không áp dụng
3.5	Khối đầu nối			Phù hợp	Đạt
3.6	Đầu nối và đầu nối nguồn			Phù hợp	Đạt
3.7	Thiết bị đóng cắt			--	Không áp dụng
3.8	Lớp lót và ống lót cách điện			Phù hợp	Đạt
3.9	Cách điện kép và cách điện tăng cường			--	Không áp dụng
3.10	Mối nối điện và bộ phận mang dòng			Phù hợp	Đạt
3.11	Vít và mối nối (cơ) và miếng đệm			Phù hợp	Đạt
3.12	Độ bền cơ			Phù hợp	Đạt
3.13	Hệ thống treo và phương tiện điều chỉnh			Phù hợp	Đạt
3.14	Vật liệu cháy			--	Không áp dụng
3.15	Đèn điện dùng để lắp đặt trên bề mặt cháy bình thường			Phù hợp	Đạt
3.16	Lỗ thoát nước			Phù hợp	Đạt
3.17	Khả năng chống ăn mòn			Phù hợp	Đạt
3.18	Bộ mối			Phù hợp	Đạt
3.19	Đèn điện vận hành nặng nề – Yêu cầu về rung			--	Không áp dụng
3.20	Che chắn bảo vệ			Phù hợp	Đạt
3.21	Phụ kiện cho bóng đèn			Phù hợp	Đạt
3.22	Nửa đèn điện			--	Không áp dụng
3.23	Nguy hiểm quang sinh học				
	• Nguy hiểm ánh sáng xanh			RG0	Đạt
3.24	Nguy hiểm về cơ			Phù hợp	Đạt
3.25	Bảo vệ ngắn mạch			--	Không áp dụng
3.26	Khối đầu nối có tiếp điểm nối đất không bắt ren lắp liền			--	Không áp dụng
3.27	Cố định các bộ điều khiển nhạy với nhiệt độ			--	Không áp dụng
3.28	Đèn điện có nguồn sáng không thay thế được			--	Không áp dụng
3.29	Đèn điện có nguồn sáng không thay thế được bởi người sử dụng			--	Không áp dụng
3.30	Cách điện giữa các mạch điện			Phù hợp	Đạt
3.31	Thiết bị bảo vệ quá điện áp			--	Không áp dụng
3.32	Cấp bảo vệ IP			Phù hợp	Đạt
3.33	Đèn điện dùng để treo trên dây khẩu độ			--	Không áp dụng
3.34	Phương tiện để gắn đèn điện hoặc bộ phận bên ngoài lên cơ cấu đỡ của nó			Phù hợp	Đạt
3.35	Sử dụng đui đèn			--	Không áp dụng
3.36	Bảo vệ bằng cách sử dụng kính			Phù hợp	Đạt
3.37	Đèn điện liên cột			--	Không áp dụng
4	Chiều dài đường rò và khe hở không khí		- nt -		
4.1	Chiều dài đường rò				
	• Cách điện chính	mm		≥ 2,5	> 3,3
4.2	Khe hở không khí				
	• Cách điện chính	mm		≥ 1,5	> 2,0
5	Qui định nối đất		- nt -		
5.1	Bộ phận kim loại			Phù hợp	Đạt
5.2	Các bề mặt trong mối nối điều chỉnh được, ống lồng, v.v...			Phù hợp	Đạt

Số/No: 22./TN2./4407

Trang/Page: 4./5...

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
5.3	Điện trở nối đất	Ω		$\leq 0,5$	0,16
5.4	Đầu nối đất			Phù hợp	Đạt
5.5	Đèn điện có bộ nối dạng lỗ để cấp nguồn			--	Không áp dụng
5.6	Đèn điện được nối với cấp nguồn			Phù hợp	Đạt
5.7	Đèn điện không phải đèn điện thông thường			--	Không áp dụng
5.8	Vít hoặc bộ phận khác của đầu nối đất			Phù hợp	Đạt
5.9	Dây nối đất của đèn điện cấp II loại cố định			--	Không áp dụng
5.10	Dây nối đất của đèn điện cấp I			Phù hợp	Đạt
5.11	Đồ gá của bộ phận cố định đầu nối			--	Không áp dụng
6	Đầu nối		- nt -	Phù hợp	Đạt
6.1	Đầu nối bắt ren			Phù hợp	Đạt
6.2	Đầu nối không bắt ren và mối nối điện			Phù hợp	Đạt
7	Dây đi bên ngoài và dây đi bên trong		- nt -		
7.1	Đầu nối nguồn và đi dây bên ngoài khác			Phù hợp	Đạt
7.2	Đi dây bên trong			Phù hợp	Đạt
7.3	Cơ cấu chặn dây			Phù hợp	Đạt
7.4	Thử nghiệm để xác định sự phù hợp của ruột dẫn có tiết diện giảm			--	Không áp dụng
8	Bảo vệ chống điện giật		- nt -		
8.1	Kết cấu			Phù hợp	Đạt
8.2	Điện áp trên tụ điện sau 1 min ngắt nguồn	V		≤ 50	0
9	Thử nghiệm độ bền và thử nghiệm về nhiệt		- nt -		
9.1	Thử nghiệm độ bền				
	Thử nghiệm trong tủ nhiệt ở nhiệt độ ($t_a + 10$) °C trong thời gian 240 h ở điện áp cung cấp 242 V			Không hư hỏng, Ghi nhãn rõ ràng	Đạt
9.2	Thử nghiệm nhiệt (làm việc bình thường)				
	Nhiệt độ lớn nhất				
	• Vỏ bộ chuyển đổi	°C		≤ 90	72,3
	• Cách điện dây dẫn	°C		≤ 75	46,8
10	Khả năng chống bụi và ẩm				
10.1	Thử nghiệm chống bụi xâm nhập			IP6X	Đạt
10.2	Thử nghiệm chống nước xâm nhập			IPX6	Đạt
10.3	Thử nghiệm chịu ẩm trong thời gian 48 h ở nhiệt độ 25 °C, độ ẩm tương đối 93 %			Không hư hỏng	Đạt
11	Khả năng cách điện và độ bền điện		- nt -		
11.1	Điện trở cách điện				
	• Cách điện chính	M Ω		$\geq 2,0$	> 10
11.2	Độ bền điện				
	• Cách điện chính 1 440 V/1 min			Không bị phóng điện, đánh thủng	Đạt
11.3	Dòng điện trong dây dẫn bảo vệ	mA		$\leq 3,5$	0,15
12	Khả năng chịu nhiệt, chịu cháy và chịu phóng điện		- nt -		
12.1	Khả năng chịu nhiệt				Đạt
	Thử nghiệm ép viên bi với lực 20 N, nhiệt độ 125 °C trong 1 h cho các bộ phận giữ bộ phận mang dòng hoặc bộ phận SELV đúng vị trí				

Số/No: 22 / TN2 / 4407

Trang/Page: 5 / 5

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

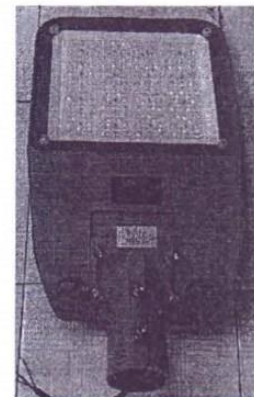
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
12.2	Đường kính vết lõm Thử nghiệm ép viên bi với lực 20 N, nhiệt độ 75 °C trong 1 h cho các bộ phận khác	mm		≤ 2,0	1,6
	Đường kính vết lõm Khả năng chịu lửa và chịu cháy	mm		≤ 2,0	1,3 Đạt
	Thời gian cháy Thử nghiệm ngọn lửa hình kim trong 10 s cho các bộ phận giữ bộ phận mang dòng hoặc bộ phận SELV đúng vị trí	s		≤ 30	0
	Thời gian cháy Thử nghiệm sợi dây nóng đỏ ở nhiệt độ 650 °C cho bộ phận bảo vệ chống điện giật và giữ bộ phận SELV đúng vị trí	s		≤ 30	0
13	Thông số điện, quang, phổ ở điện áp nguồn 220 V ~ 50 Hz				
13.1	Công suất tiêu thụ	W		≤ 100 ± 10 % = 110	101,52
13.2	Dòng điện tiêu thụ	A		--	0,4702
13.3	Hệ số công suất			--	0,9813
13.4	Quang thông	lm		--	15 930
13.5	Nhiệt độ màu (CCT)	K		--	3 868
13.6	Hệ số trả màu (CRI)			--	70,1
13.7	Hiệu suất phát sáng	lm/W		--	156,91
14	Thử nghiệm chịu xung điện áp 20 kV			Không hư hỏng	Đạt

Kết luận thử nghiệm:

- Thử nghiệm không áp dụng cho mẫu thử: Không áp dụng
- Thử nghiệm phù hợp yêu cầu: Đạt
- Thử nghiệm không phù hợp yêu cầu: Không đạt
- Thử nghiệm không được thực hiện: -

Ghi chú:

- Như trên: - nt -
- Không xem xét: --



Mẫu thử nghiệm

Số/No: 19 / 0316 / TN2 - 01

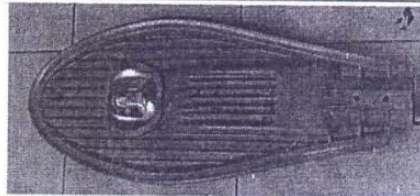
Trang/Page: 1 / 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Đèn đường LED 50W
2. Khách hàng: Công ty Cổ phần Thiết bị điện Vinshine
3. Số lượng mẫu: 01 4. Ghi nhãn: Vinshine
5. Ngày nhận mẫu: 21/01/2019 6. Tình trạng mẫu: Mới 7. Thời gian thử nghiệm: 22/01/2019 ÷ 18/02/2019

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức yêu cầu	Kết quả
1	Thông số điện, quang, phổ ở điện áp nguồn 220 V ~ 50 Hz		TCVN 10885-2-1:2015		
1.1	Công suất tiêu thụ	W	7722-1:2017	$\leq 50 + 10 \% = 55$	58,88
1.2	Dòng điện tiêu thụ	A	Yêu cầu của Khách hàng	--	0,3401
1.3	Hệ số công suất			--	0,7870
1.4	Quang thông	lm		--	6 184
1.5	Nhiệt độ màu (CCT)	K		--	5 236
1.6	Hệ số trả màu (CRI)			--	86,4
1.7	Hiệu suất phát sáng	lm/W		--	105,02
2	Thử nghiệm cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài cho phần quang và điện			IP65	Đạt



TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

Hà Nội, ngày 18 / 02 / 2019

GIÁM ĐỐC

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Đặng Thanh Tùng

23-12-2022

Số chứng thực: 10/11/2022. Quyền số: 2 - SCT/BS

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Ninh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 22./TN2./1402

Trang/Page: 1./1...

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Đèn đường LED SMD 120W, Model: SL7-120W

(Mô tả mẫu: Đèn đường LED; Ghi nhãn: VINSHINE; Model: SL7-120W; AC100-265V.

LED driver: Inventronics, EUM-150S420DG; in: 100-265V~, 50/60Hz; out: 18-54VDC, 4.20 A max, 150W max. Modul led: LUMILEDS. Thiết bị chống sét: Littelfuse SPD 10KV)

Gói thầu số 1: Thi công xây dựng (phần đường, cầu, điện chiếu sáng, vỉa hè và hệ thống thoát nước) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường tỉnh D1.963B (đoạn Bến Nhứt, Giồng Riềng)

Địa điểm: Huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

2. Khách hàng: Công ty Cổ phần Thiết bị điện Vinshine

3. Số lượng mẫu: 01

4. Tình trạng mẫu: Mới

5. Ngày nhận mẫu: 23 / 03 / 2022

6. Thời gian thử nghiệm: 23 / 03 / 2022 ÷ 01 / 04 / 2022

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức yêu cầu	Kết quả
1	Thông số điện, quang, phổ ở điện áp nguồn 220 V ~ 50 Hz		TCVN 10885-2-1:2015		
1.1	Công suất tiêu thụ	W	10485:2015	$\leq 120 + 10\% = 132$	118,45
1.2	Hệ số công suất		7722-1:2017	$> 0,9$	0,9808
1.3	Quang thông	lm	7722-2-3:2019	--	13 240
1.4	Nhiệt độ màu (CCT)	K	IEC	--	4 282
1.5	Hệ số trả màu (CRI)		62262:2002	> 70	74,6
1.6	Hiệu suất phát sáng	lm/W	61643-11:2011	--	111,78
2	Cấp bảo vệ chống điện giật (Class)			--	Cấp I
3	Quy định nối đất			Có dây nối đất	Đạt
4	Thử nghiệm chịu va đập cơ học IK08			Không hư hỏng	Đạt
5	Tiết giảm công suất			--	5 cấp
6	Chuẩn điều khiển			--	0-10V
7	Thử nghiệm chịu xung điện áp 10 kV			Không hư hỏng	Đạt
8	Thử nghiệm hoạt động ở điện áp nguồn (100 ÷ 265) V ~ 50/60 Hz			Hoạt động bình thường	Đạt
9	Thử nghiệm hoạt động ở nhiệt độ môi trường (18 ÷ 40) °C			Hoạt động bình thường	Đạt



BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 01/04/2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

Đặng Thanh Tùng

Số chứng thư: 1219. Quyền số: SCT/BS



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 19/0316/TN2-02

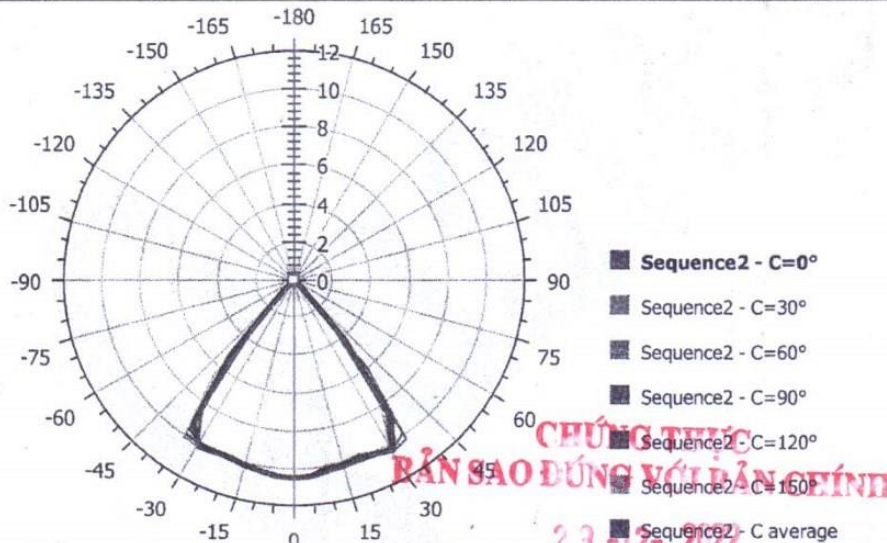
Trang/Page: 1 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

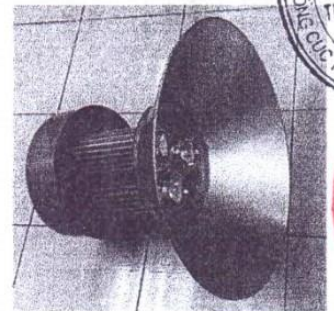
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Đèn nhà xưởng LED 150W
2. Khách hàng: Công ty Cổ phần Thiết bị điện Vinshine
3. Số lượng mẫu: 01 4. Ghi nhãn: Vinshine
5. Ngày nhận mẫu: 21/01/2019 6. Tình trạng mẫu: Mới 7. Thời gian thử nghiệm: 22/01/2019 ÷ 18/02/2019

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức yêu cầu	Kết quả
1	Thông số điện, quang, phổ ở điện áp nguồn 220 V ~ 50 Hz		TCVN 10885-2-1:2015 IEC 62722-2-1:2014		
1.1	Công suất tiêu thụ	W	TCVN 11843:2017	$\leq 150 + 10\% = 165$	149,89
1.2	Dòng điện tiêu thụ	A	CIE S 025:2015	--	0,7123
1.3	Hệ số công suất (cosφ)		TCVN 10886:2015	$> 0,95$	0,9577
1.4	Quang thông	lm	IES LM-79-08	$> 15\,000 - 10\% = 13\,500$	14\,760
1.5	Nhiệt độ màu (CCT)	K		--	6\,010
1.6	Hệ số trả màu (CRI)			--	71,9
1.7	Hiệu suất phát sáng	lm/W		--	98,47
1.8	Góc chùm tia			--	81,67°
1.9	Đồ thị phân bố cường độ sáng			--	Hình 1
1.10	Bảng dữ liệu phân bố ánh sáng			--	Bảng 1



Hình 1: Đồ thị phân bố cường độ sáng (Calculated Luminous Intensity / kcd)



Hình 2: Mẫu thử

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

Đặng Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 18/02/2019

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 1

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....18/5759/TN2.....

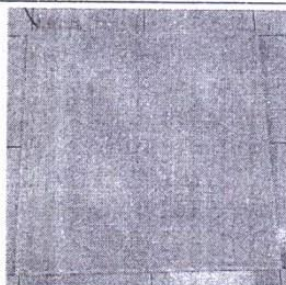
Trang/Page:....1../1..

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Đèn LED Panel 50W
 2. Khách hàng: Công ty CP Thiết bị Điện Vinshine
 3. Số lượng mẫu: 01 4. Ghi nhãn: Vinshine Model: PNVS-50
 5. Ngày nhận mẫu: 17/12/2018 6. Tình trạng mẫu: Mới 7. Thời gian thử nghiệm: 18/12/2018 ÷ 07/01/2019

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức yêu cầu	Kết quả
1	Thông số điện, quang, phổ ở điện áp nguồn 220 V ~ 50 Hz		TCVN 10885-2-1:2015 Yêu cầu của Khách hàng		
1.1	Công suất tiêu thụ	W		$\leq 50 + 10\% = 55$	50,49
1.2	Dòng điện tiêu thụ	A		--	0,4553
1.3	Hệ số công suất (cosφ)			$\geq 0,52 - 0,05 = 0,47$	0,5041
1.4	Quang thông	lm		--	3 905
1.5	Nhiệt độ màu (CCT)	K		--	6 356
1.6	Hệ số trả màu (CRI)			--	82,6
1.7	Hiệu suất phát sáng	lm/W		$\geq 100 - 20\% = 80$	77,34
2	Thử nghiệm hoạt động ở điện áp nguồn (85 ÷ 265) V ~ 50 Hz			Hoạt động bình thường	Đạt



Hà Nội, ngày 07 / 01 / 2019

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng
 ĐẶNG THANH TÙNG

CHỨNG THỰC
BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

23-12-2022

Số chứng thực: 15738. Quyền số: 2



Nguyễn Ngọc Châm
 PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.



VINSHINE LIGHTING JSC

www.vinshine.vn

Tel: 84-225-2838-919

Lightsource Test Report

Product Information

Product Number: 222

CIE Colorimetric Parameters

Chromaticity coordinates: $x=0.3404$ $y=0.3472$ $u(u')=0.2099$ $v=0.3212$ $v'=0.4818$

CCT: $T_c=5174K$ ($duv=-0.00029$)

Color Ratio: $R=0.144$ $G=0.826$ $B=0.030$

Peak Wavelength: 446.6nm

Half Bandwidth: 23.6nm

Dominant Wavelength: 570.2nm

Color Purity: 0.063

CRI: $R_a=72.8$, $avgR(1\sim14)=62.9$, $avgR(1\sim15)=63.3$

TM30: $R_f=72$, $R_g=96$

GAI: $GAI_BB_8=93.8$, $GAI_BB_15=99.2$, $GAI_EES=83.9$

$R1=72$

$R2=77$

$R3=78$

$R4=74$

$R5=72$

$R6=68$

$R7=80$

$R8=61$

$R9=-19$

$R10=43$

$R11=72$

$R12=43$

$R13=72$

$R14=87$

$R15=68$

Color Quality Scale: $Q_a=71.1$, $Q_f=69.7$, $Q_p=75.2$, $Q_g=92.6$

$Q1=79$

$Q2=92$

$Q3=61$

$Q4=58$

$Q5=69$

$Q6=73$

$Q7=76$

$Q8=86$

$Q9=89$

$Q10=72$

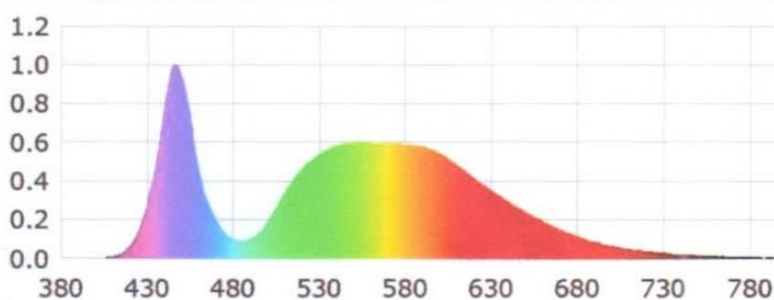
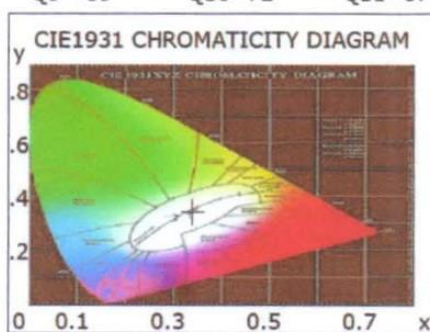
$Q11=67$

$Q12=69$

$Q13=72$

$Q14=62$

$Q15=69$



Photometric Parameters

Luminous Flux: 24424 lm

Efficiency: 161.00 lm/W

Radiant Power: 74.004 W

EEL: 0.08

Energy Efficiency Class: A++ (EU 874-2012)

Electric Parameters

Voltage: 220.40V

Current: 0.6930A

Power: 151.70W

Power Factor: 0.9940

Frequency: 49.99Hz

Test Information

Scan Range: 380~800:1nm

Stabilization Time: 10 Min ALC.: 1.0000

Max of Signal: 48530 (2630)

Photometric Method: sphere-spectroradiometer

Photometric Condition: Sphere diameter: 1.50m, 4PI

CCD Integration Time: 7.75 ms



Condition: $T_x:27.1^{\circ}C$, $T_i:25.9^{\circ}C$, R.H.:60%

Test Lab:

Operator:

Test Device: Inventfine CMS-2S (Plus)

Test Time: 2022-11-02 17:32:38

Inspector:



Lightsource Test Report

Product Information

Product Number: 265

CIE Colorimetric Parameters

Chromaticity coordinates: $x=0.3993$ $y=0.3909$ $u(u')=0.2318$ $v=0.3403$ $v'=0.5105$

CCT: $T_c=3636K$ ($duv=0.00145$)

Color Ratio: $R=0.197$ $G=0.771$ $B=0.032$

Peak Wavelength: 598.0nm

Half Bandwidth: 148.9nm

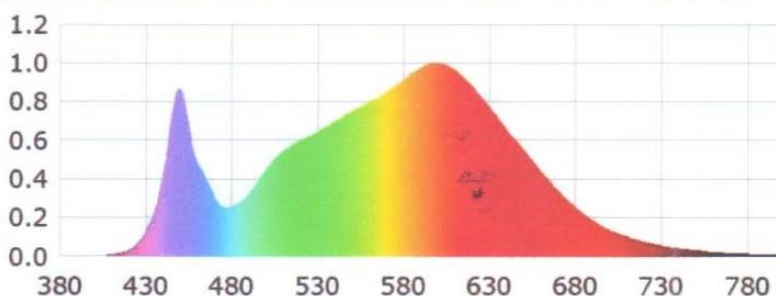
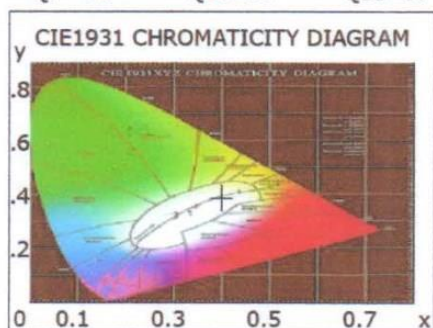
Dominant Wavelength: 579.8nm

Color Purity: 0.372

CRI: $R_a=83.4$, $avgR(1\sim14)=77.2$, $avgR(1\sim15)=77.1$

TM30: $R_f=85$, $R_g=96$

GAI: $GAI_BB_8=90.9$, $GAI_BB_15=97.3$, $GAI_EES=65.8$
 $R1=82$
 $R2=90$
 $R3=96$
 $R4=83$
 $R5=82$
 $R6=87$
 $R7=85$
 $R8=64$
 $R9=9$
 $R10=76$
 $R11=82$
 $R12=66$
 $R13=83$
 $R14=98$
 $R15=75$

Color Quality Scale: $Q_a=84.0$, $Q_f=84.3$, $Q_p=83.5$, $Q_g=92.7$
 $Q1=81$
 $Q2=98$
 $Q3=82$
 $Q4=80$
 $Q5=84$
 $Q6=85$
 $Q7=86$
 $Q8=89$
 $Q9=98$
 $Q10=90$
 $Q11=87$
 $Q12=86$
 $Q13=85$
 $Q14=73$
 $Q15=76$


Photometric Parameters

Luminous Flux: 39950 lm

EEI: 0.14

Efficiency: 98.43 lm/W

Energy Efficiency Class: A+ (EU 874-2012)

Radiant Power: 120.271 W

Electric Parameters

Voltage: 220.00V

Power Factor: 0.9960

Current: 1.8530A

Frequency: 49.99Hz

Power: 405.90W

Test Information

Scan Range: 380~800:1nm

Stabilization Time: 10 Min AL.C.: 1.0000

Max of Signal: 53874 (2501)

Photometric Method: sphere-spectroradiometer

Photometric Condition: Sphere diameter: 1.50m, 4PI

CCD Integration Time: 9.46 ms


Condition: $T_x=25.1^{\circ}C$, $T_i=23.1^{\circ}C$, R.H.:60%

Test Lab:

Operator:

Test Device: Inventfine CMS-2S (Plus)

Test Time: 2022-12-24 15:42:19

Inspector:



VINSHINE LIGHTING JSC
www.vinshine.vn
Tel: 84-225-2838-919

Lightsource Test Report

Product Information

Product Number: 264

CIE Colorimetric Parameters

Chromaticity coordinates: $x=0.3274$ $y=0.3417$ $u(u')=0.2032$ $v=0.3181$ $v'=0.4771$

CCT: $T_c=5728K$ ($duv=0.00263$)

Color Ratio: $R=0.141$ $G=0.810$ $B=0.048$

Peak Wavelength: 450.0nm

Half Bandwidth: 19.3nm

Dominant Wavelength: 511.7nm

Color Purity: 0.019

CRI: $R_a=81.1$, $avgR(1\sim14)=73.2$, $avgR(1\sim15)=73.3$

TM30: $R_f=81$, $R_g=95$

GAI: $GAI_BB_8=91.1$, $GAI_BB_15=96.3$, $GAI_EES=85.2$

R1 =79

R2 =86

R3 =90

R4 =81

R5 =80

R6 =81

R7 =86

R8 =66

R9 =-4

R10=66

R11=80

R12=57

R13=81

R14=95

R15=74

Color Quality Scale: $Q_a=79.4$, $Q_f=79.2$, $Q_p=80.2$, $Q_g=91.6$

Q1 =83

Q2 =98

Q3 =75

Q4 =71

Q5 =78

Q6 =81

Q7 =85

Q8 =89

Q9 =96

Q10=84

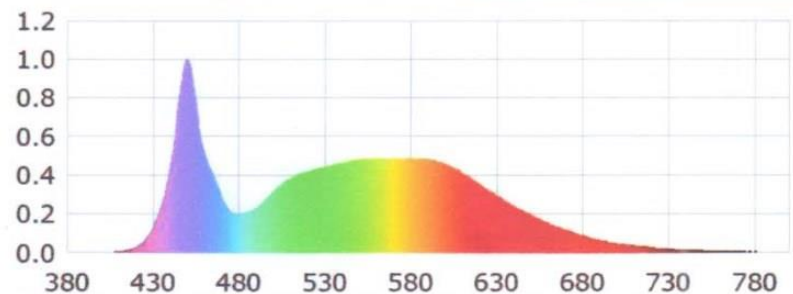
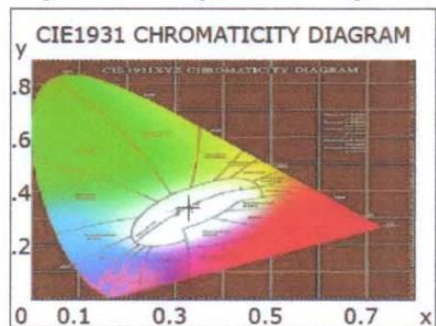
Q11=80

Q12=79

Q13=79

Q14=67

Q15=73



Photometric Parameters

Luminous Flux: 21523 lm

Efficiency: 105.97 lm/W

Radiant Power: 67.119 W

EEI: 0.13

Energy Efficiency Class: A+ (EU 874-2012)

Electric Parameters

Voltage: 220.10V

Current: 0.9270A

Power: 203.10W

Power Factor: 0.9950

Frequency: 49.99Hz

Test Information

Scan Range: 380~800:1nm

Stabilization Time: 10 Min ALC.: 1.0000

Max of Signal: 48912 (2479)

Photometric Method: sphere-spectroradiometer

Photometric Condition: Sphere diameter: 1.50m, 4PI

CCD Integration Time: 7.97 ms



Condition: Tx:24.9'C, Ti:22.9'C, R.H.:60%

Test Lab:

Operator:

Test Device: Inventfine CMS-2S (Plus)

Test Time: 2022-12-24 15:22:41

Inspector:



VINSHINE LIGHTING JSC
www.vinshine.vn
 Tel: 84-225-2838-919

Lightsource Test Report

Product Information

Product Number: 270

CIE Colorimetric Parameters

Chromaticity coordinates: $x=0.3676$ $y=0.3765$ $u(u')=0.2168$ $v=0.3331$ $v'=0.4996$

CCT: $T_c=4364K$ ($duv=0.00388$)

Color Ratio: $R=0.157$ $G=0.813$ $B=0.030$

Peak Wavelength: 450.7nm

Half Bandwidth: 20.4nm

Dominant Wavelength: 575.2nm

Color Purity: 0.233

CRI: $R_a=73.8$, $avgR(1\sim14)=63.5$, $avgR(1\sim15)=63.5$

TM30: $R_f=76$, $R_g=92$

GAI: $GAI_{BB_8}=84.4$, $GAI_{BB_15}=92.4$, $GAI_{EES}=71.1$

R1 =70

R2 =80

R3 =88

R4 =73

R5 =70

R6 =73

R7 =82

R8 =53

R9 =-31

R10=53

R11=69

R12=43

R13=72

R14=93

R15=63

Color Quality Scale: $Q_a=74.3$, $Q_f=74.6$, $Q_p=74.3$, $Q_g=88.3$

Q1 =77

Q2 =98

Q3 =70

Q4 =64

Q5 =71

Q6 =73

Q7 =77

Q8 =84

Q9 =95

Q10=81

Q11=77

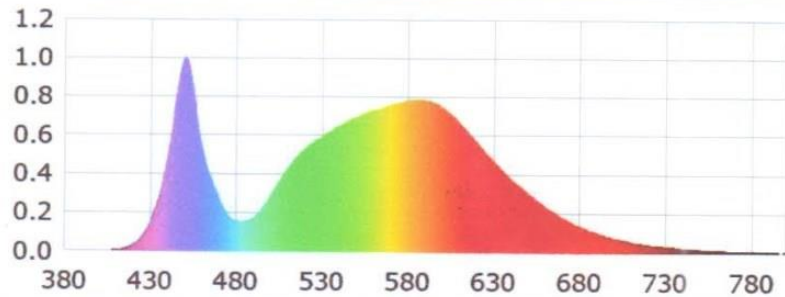
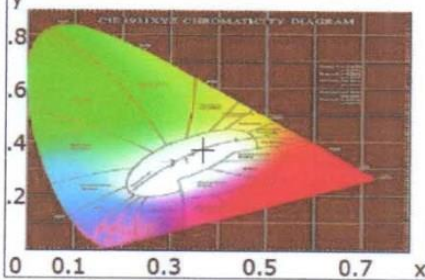
Q12=76

Q13=76

Q14=60

Q15=66

CIE1931 CHROMATICITY DIAGRAM



Photometric Parameters

Luminous Flux: 11923 lm

Efficiency: 123.67 lm/W

Radiant Power: 34.225 W

EEI: 0.11

Energy Efficiency Class: A+ (EU 874-2012)

Electric Parameters

Voltage: 220.20V

Current: 0.4470A

Power: 96.42W

Power Factor: 0.9800

Frequency: 50.00Hz

Test Information

Scan Range: 380~800:1nm

Stabilization Time: 10 Min ALC.: 1.0000

Max of Signal: 45053 (2510)

Photometric Method: sphere-spectroradiometer

Photometric Condition: Sphere diameter: 1.50m, 4PI

CCD Integration Time: 19.44 ms



Condition: $T_x=25.3^{\circ}C$, $T_i=22.8^{\circ}C$, R.H.:60%

Test Lab:

Operator:

Test Device: Inventive CMS-2S (Plus)

Test Time: 2022-12-24 15:57:51

Inspector:


NEW CHOICE, NEW LIFE

Lightsource Test Report

Product Information

Product Number: 257

CIE Colorimetric Parameters

Chromaticity coordinates: $x=0.3217$ $y=0.3406$ $u(u')=0.1997$ $v=0.3171$ $v'=0.4757$

CCT: $T_c=5990K$ ($duv=0.00469$)

Color Ratio: $R=0.124$ $G=0.844$ $B=0.032$

Peak Wavelength: 446.8nm

Half Bandwidth: 19.2nm

Dominant Wavelength: 500.0nm

Color Purity: 0.036

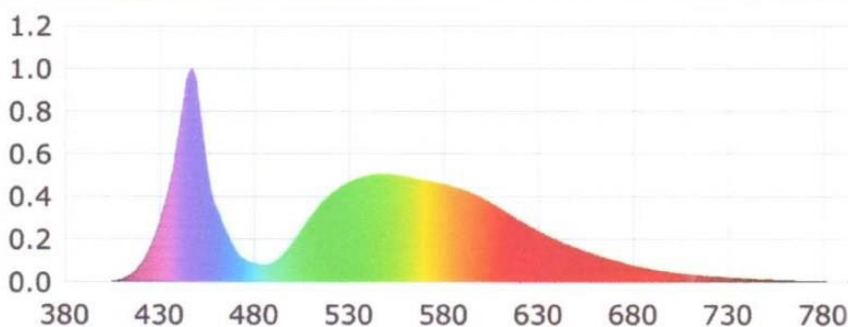
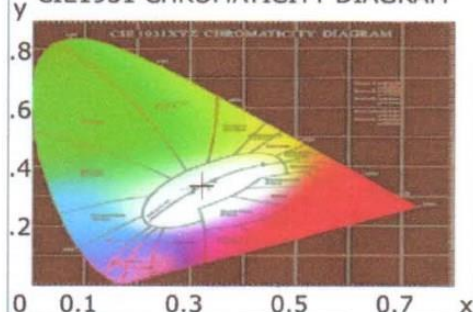
CRI: $R_a=69.9$, $avgR(1\sim14)=58.8$, $avgR(1\sim15)=59.1$

TM30: $R_f=70$, $R_g=95$

GAI: $GAI_BB_8=87.7$, $GAI_BB_15=93.2$, $GAI_EES=83.4$
 $R1=68$
 $R2=73$
 $R3=75$
 $R4=72$
 $R5=69$
 $R6=64$
 $R7=79$
 $R8=59$
 $R9=-35$
 $R10=35$
 $R11=70$
 $R12=40$
 $R13=68$
 $R14=86$
 $R15=63$

Color Quality Scale: $Q_a=70.3$, $Q_f=69.1$, $Q_p=74.0$, $Q_g=89.7$
 $Q1=79$
 $Q2=92$
 $Q3=62$
 $Q4=58$
 $Q5=69$
 $Q6=72$
 $Q7=75$
 $Q8=86$
 $Q9=89$
 $Q10=71$
 $Q11=66$
 $Q12=68$
 $Q13=71$
 $Q14=57$
 $Q15=66$

CIE1931 CHROMATICITY DIAGRAM



Photometric Parameters

Luminous Flux: 2094.8 lm

Efficiency: 106.01 lm/W

Radiant Power: 5.722 W

EEI: 0.13

Energy Efficiency Class: A+ (EU 874-2012)

Electric Parameters

Voltage: 220.40V

Current: 0.1430A

Power: 19.76W

Power Factor: 0.5640

Frequency: 49.99Hz

Test Information

Scan Range: 380~800:1nm

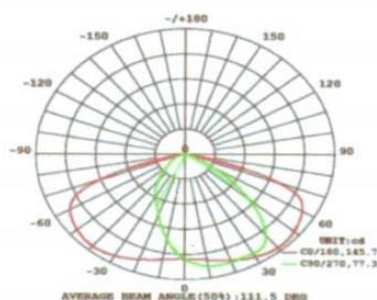
Stabilization Time: 10 Min ALC.: 1.0000

Max of Signal: 52485 (2398)

Photometric Method: sphere-spectroradiometer

Photometric Condition: Sphere diameter: 1.50m, 4PI

CCD Integration Time: 88.62 ms



Condition: Tx:22.4'C, Ti:22.1'C, R.H.:60%

Test Lab:

Operator:

Test Device: Inventfine CMS-2S (Plus)

Test Time: 2022-12-14 14:14:47

Inspector:



VINSHINE LIGHTING JSC

www.vinshine.vn

Tel: 84-225-2838-919

Lightsource Test Report

Product Information

Product Number: 275

CIE Colorimetric Parameters

Chromaticity coordinates: $x=0.3242$ $y=0.3400$ $u(u')=0.2016$ $v=0.3172$ $v'=0.4758$

CCT: $T_c=5876K$ ($duv=0.00323$)

Color Ratio: $R=0.138$ $G=0.813$ $B=0.049$

Peak Wavelength: 444.2nm

Half Bandwidth: 35.5nm

Dominant Wavelength: 501.4nm

Color Purity: 0.028

CRI: $R_a=80.8$, $avgR(1\sim14)=73.2$, $avgR(1\sim15)=73.2$

TM30: $R_f=82$, $R_g=96$

GAI: $GAI_{BB_8}=91.0$, $GAI_{BB_15}=94.7$, $GAI_{EES}=85.9$

$R_1=79$

$R_2=85$

$R_3=89$

$R_4=82$

$R_5=80$

$R_6=80$

$R_7=86$

$R_8=66$

$R_9=-5$

$R_{10}=64$

$R_{11}=81$

$R_{12}=65$

$R_{13}=80$

$R_{14}=94$

$R_{15}=73$

Color Quality Scale: $Q_a=79.9$, $Q_f=79.9$, $Q_p=80.6$, $Q_g=91.7$

$Q_1=83$

$Q_2=97$

$Q_3=77$

$Q_4=74$

$Q_5=80$

$Q_6=82$

$Q_7=85$

$Q_8=89$

$Q_9=96$

$Q_{10}=83$

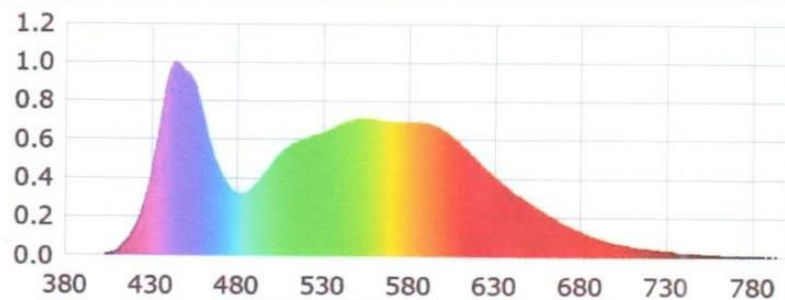
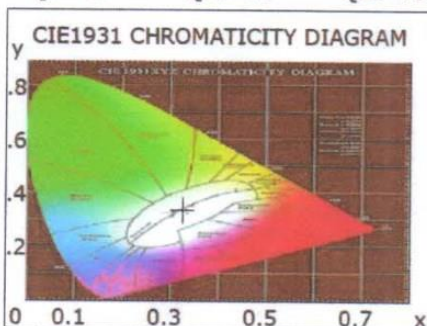
$Q_{11}=79$

$Q_{12}=79$

$Q_{13}=79$

$Q_{14}=67$

$Q_{15}=73$



Photometric Parameters

Luminous Flux: 3712.5 lm

EEI: 0.13

Efficiency: 101.21 lm/W

Radiant Power: 11.778 W

Energy Efficiency Class: A+ (EU 874-2012)

Electric Parameters

Voltage: 220.50V

Power Factor: 0.5590

Current: 0.2980A

Frequency: 50.00Hz

Power: 36.68W

Test Information

Scan Range: 380~800:1nm

Stabilization Time: 10 Min ALC.: 1.0000

Max of Signal: 44181 (2947)

Photometric Method: sphere-spectroradiometer

Photometric Condition: Sphere diameter: 1.50m, 4PI

CCD Integration Time: 56.94 ms



Condition: $T_x=30.5^{\circ}C$, $T_i=29.7^{\circ}C$, R.H.:60%

Test Lab:

Operator:

Test Device: Inventfine CMS-2S (Plus)

Test Time: 2022-05-28 10:04:07

Inspector:

Lightsource Test Report

Product Information

Product Number: 253

CIE Colorimetric Parameters

Chromaticity coordinates: $x=0.3329$ $y=0.3679$ $u(u')=0.1973$ $v=0.3271$ $v'=0.4906$

CCT: $T_c=5490K$ ($duv=0.01294$)

Color Ratio: $R=0.136$ $G=0.809$ $B=0.055$

Peak Wavelength: 455.4nm

Half Bandwidth: 26.8nm

Dominant Wavelength: 554.0nm

Color Purity: 0.104

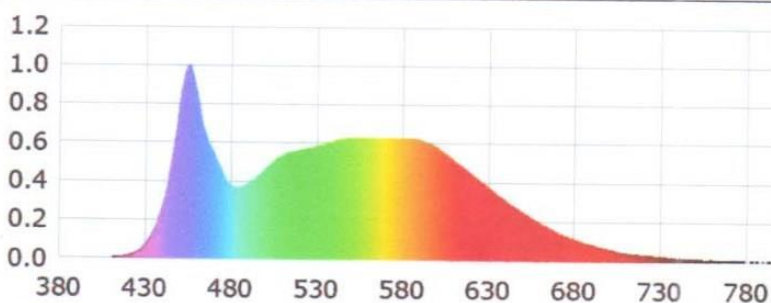
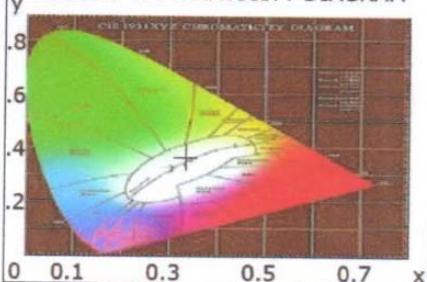
CRI: $R_a=80.0$, $avgR(1\sim14)=71.9$, $avgR(1\sim15)=71.6$

TM30: $R_f=81$, $R_g=89$

GAI: $GAI_BB_8=79.6$, $GAI_BB_15=86.7$, $GAI_EES=73.2$
 $R1=76$
 $R2=89$
 $R3=95$
 $R4=75$
 $R5=77$
 $R6=85$
 $R7=84$
 $R8=59$
 $R9=-15$
 $R10=74$
 $R11=74$
 $R12=57$
 $R13=80$
 $R14=97$
 $R15=68$

Color Quality Scale: $Q_a=80.6$, $Q_f=81.3$, $Q_p=77.5$, $Q_g=85.8$
 $Q1=76$
 $Q2=95$
 $Q3=86$
 $Q4=77$
 $Q5=78$
 $Q6=77$
 $Q7=79$
 $Q8=86$
 $Q9=95$
 $Q10=94$
 $Q11=89$
 $Q12=86$
 $Q13=83$
 $Q14=66$
 $Q15=71$

CIE1931 CHROMATICITY DIAGRAM



Photometric Parameters

Luminous Flux: 852.82 lm

EEI: 0.18

Efficiency: 69.68 lm/W

Energy Efficiency Class: A (EU 874-2012)

Radiant Power: 2.567 W

Electric Parameters

Voltage: 220.30V

Power Factor: 0.4900

Current: 0.1130A

Frequency: 49.99Hz

Power: 12.24W

Test Information

Scan Range: 380~800:1nm

Stabilization Time: 10 Min ALC.: 1.0000

Max of Signal: 46245 (2442)

Photometric Method: sphere-spectroradiometer

Photometric Condition: Sphere diameter: 1.50m, 4PI

CCD Integration Time: 267.84 ms


Condition: $T_x:21.8^{\circ}C$, $T_i:21.9^{\circ}C$, R.H.:60%

Test Lab:

Operator:

Test Device: Inventfine CMS-2S (Plus)

Test Time: 2022-12-14 13:56:01

Inspector:

Lightsource Test Report

Product Information

Product Number: 252

CIE Colorimetric Parameters

Chromaticity coordinates: $x=0.3565$ $y=0.3709$ $u(u')=0.2116$ $v=0.3303$ $v'=0.4954$

CCT: $T_c=5679K$ ($duv=0.00509$)

Color Ratio: $R=0.174$ $G=0.779$ $B=0.048$

Peak Wavelength: 451.4nm

Half Bandwidth: 25.3nm

Dominant Wavelength: 572.3nm

Color Purity: 0.183

CRI: $R_a=91.9$, $avgR(1\sim14)=87.8$, $avgR(1\sim15)=88.0$

TM30: $R_f=89$, $R_g=97$

GAI: $GAI_BB_8=91.7$, $GAI_BB_15=97.9$, $GAI_EES=80.7$

R1 =91

R2 =94

R3 =94

R4 =91

R5 =90

R6 =90

R7 =97

R8 =89

R9 =70

R10=84

R11=90

R12=64

R13=92

R14=97

R15=90

Color Quality Scale: $Q_a=91.7$, $Q_f=91.6$, $Q_p=91.2$, $Q_g=96.1$

Q1 =91

Q2 =99

Q3 =87

Q4 =84

Q5 =88

Q6 =89

Q7 =93

Q8 =96

Q9 =98

Q10=96

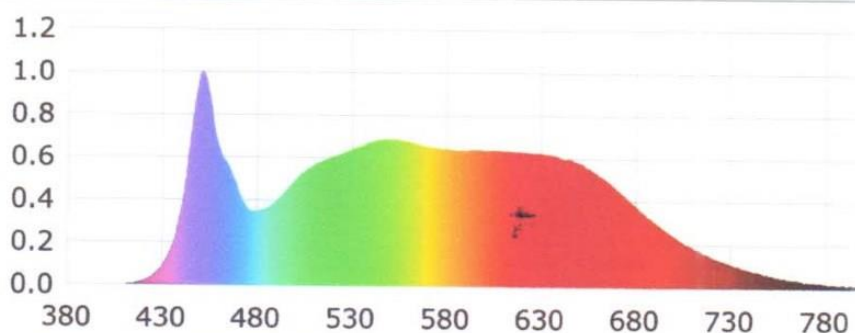
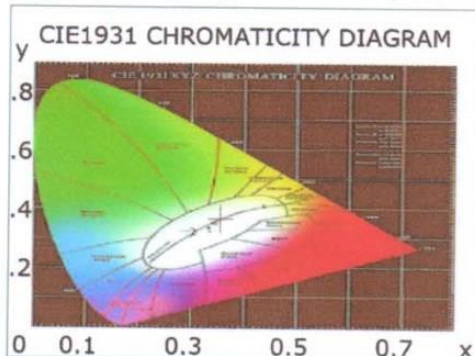
Q11=95

Q12=95

Q13=96

Q14=92

Q15=93



Photometric Parameters

Luminous Flux: 949.31lm

Efficiency: 104.32 lm/W

Radiant Power: 2.357 W

EEI: 0.18

Energy Efficiency Class: A (EU 874-2012)

Electric Parameters

Voltage: 220.40V

Current: 0.0919A

Power: 9.10W

Power Factor: 0.4490

Frequency: 49.99Hz

Test Information

Scan Range: 380~800:1nm

Stabilization Time: 10 Min ALC.: 1.0000

Max of Signal: 51972 (2470)

Photometric Method: sphere-spectroradiometer

Photometric Condition: Sphere diameter: 1.50m, 4PI

CCD Integration Time: 397.76 ms



Condition: Tx:21.6°C, Ti:21.8°C, R.H.:60%

Test Lab:

Operator:

Test Device: Inventfine CMS-2S (Plus)

Test Time: 2022-12-14 13:46:38

Inspector:

Lightsource Test Report

Product Information

Product Number: 62

CIE Colorimetric Parameters

Chromaticity coordinates: $x=0.3326$ $y=0.3432$ $u(u')=0.2061$ $v=0.3191$ $v'=0.4787$

CCT: $T_c=5496K$ ($duv=0.00106$)

Color Ratio: $R=0.152$ $G=0.800$ $B=0.049$

Peak Wavelength: 448.5nm

Half Bandwidth: 20.8nm

Dominant Wavelength: 550.8nm

Color Purity: 0.028

CRI: $R_a=84.5$, $avgR(1\sim14)=78.0$, $avgR(1\sim15)=78.1$

TM30: $R_f=84$, $R_g=97$

GAI: $GAI_BB_8=95.0$, $GAI_BB_15=99.2$, $GAI_EES=87.4$

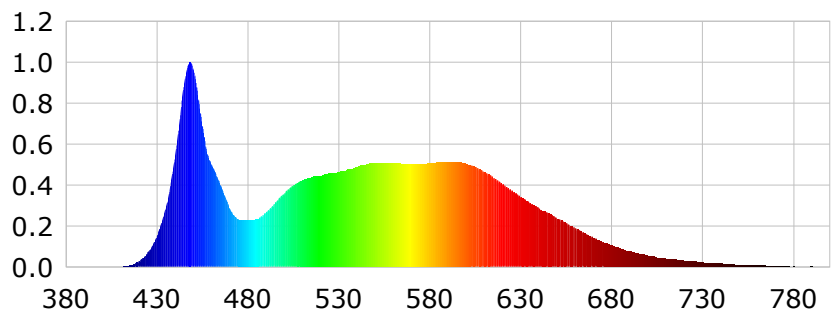
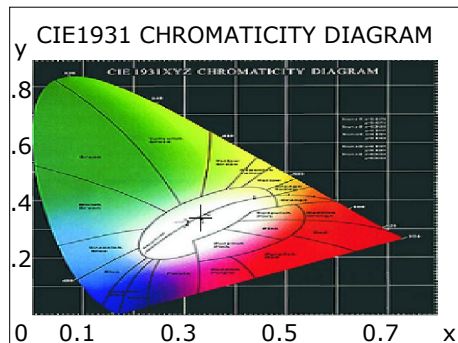
R1 =84	R2 =88	R3 =91	R4 =86	R5 =85	R6 =84	R7 =88	R8 =71
--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------

R9 =14	R10=72	R11=86	R12=65	R13=85	R14=95	R15=79	
--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--

Color Quality Scale: $Q_a=82.7$, $Q_f=82.3$, $Q_p=83.9$, $Q_g=94.3$

Q1 =85	Q2 =97	Q3 =77	Q4 =75	Q5 =83	Q6 =86	Q7 =88	Q8 =91
--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------

Q9 =96	Q10=86	Q11=82	Q12=82	Q13=83	Q14=73	Q15=77	
--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--



Photometric Parameters

Luminous Flux: 5478.0 lm

Efficiency: 122.91 lm/W

Radiant Power: 17.394 W

EEI: 0.11

Energy Efficiency Class: A+ (EU 874-2012)

Electric Parameters

Voltage: 220.50V

Current: 0.3700A

Power: 44.57W

Power Factor: 0.5450

Frequency: 49.99Hz

Test Information

Scan Range: 380~800:1nm

Stabilization Time: 10 Min ALC.: 1.0000

Max of Signal: 44494 (2950)

Photometric Method: sphere-spectroradiometer

Photometric Condition: Sphere diameter: 1.50m, 4PI

CCD Integration Time: 29.98 ms


Condition: $T_x:31.3^{\circ}C$, $T_i:32.7^{\circ}C$, R.H.:60%

Test Lab:

Operator:

Test Device: Inventfine CMS-2S (Plus)

Test Time: 2022-07-28 10:29:19

Inspector:



VINSHINE ELECTRIC EQUIPMENT JSC .,

Head office: Hamlet 3, An Duong ward, An Duong district, Hai Phong City, Vietnam

Tel: 0934745377

Email: ngoctu@vinshine.vn

Factory: 746 Nguyen Van Linh Street, Niem Nghia ward, Le Chan district, Hai Phong City, Viet Nam

Website: www.vinshine.vn

VẬN HÀNH THÀNH CÔNG

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN THỦY NGUYÊN

Địa chỉ: Thị trấn Núi đèo - Huyện Thủy Nguyên - Hải Phòng

*****=====*****

Hải Phòng, ngày 21...tháng 01...năm 2022

XÁC NHẬN VẬN HÀNH THÀNH CÔNG

XÁC NHẬN:

Công ty cổ phần thiết bị điện Vinshine đã cung cấp cho Công ty cổ phần thương mại vận tải Dũng Thăng theo hợp đồng số 01/EX/VS-DT/2021 ngày 06 tháng 04 năm 2021 trong Công trình sử dụng vốn đầu tư công năm 2021 với chi tiết cụ thể như sau:

stt	Tên công trình	Loại đèn	Số lượng (Bộ)	Thương Hiệu	Thông số kỹ thuật & Hình Ảnh
1	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Phục Lễ - Pha Lễ (Đoạn từ ngã 3 đi Ngũ Lão đến Chợ Pha Lễ). Hạng mục: Mặt đường, an toàn giao thông, thoát nước và chiếu chiếu sáng	100W	117	VS-LIGHTING (CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE)	Điện áp vào: 220-240V/50-60Hz; Nguồn led Philips dimming 5 cấp 0-10V; Chips led: Philips; Tuổi thọ chips led 50.000-100.000h; Quang thông bộ đèn: 8000-19500 lm; CRI>70; Hệ số công suất > 0.9; Màu ánh sáng: 4500K; Tiêu chuẩn IP66; Màu: XÁM; Nhiệt độ làm việc: -40 độC~+45 độC; Nhiệt độ bảo quản: -20 độC~+65 độC.
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Công Sơn đi cảng cá Mát Ròng, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên				
3	Cải tạo đường trục thôn 5 và hệ thống điện chiếu sáng đường trục xã Minh Tân (Đoạn từ Nhà văn hóa thôn 4 qua UBND xã đến đập Lò Nồi)	80W	48		

Chúng tôi xác nhận rằng ĐÈN LED nêu trên được sản xuất bởi Công ty cổ phần thiết bị điện VINSHINE (VS-LIGHTING) đạt về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu hồ sơ dự án, sản phẩm đã được đưa vào vận hành tốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI DŨNG THĂNG



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trịnh Thủy

XÁC NHẬN BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Nam

HỆ THỐNG NHÀ PHÂN PHỐI & HỢP ĐỒNG THAM KHẢO

HỆ THỐNG VINSHINE TOÀN QUỐC NĂM 2022

VỚI 23 NHÀ PHÂN PHỐI HƠN 1000 ĐẠI LÝ



Nhà máy	HẢI PHÒNG
2	HÀ NỘI 1
3	HÀ NỘI 2
4	HÀ NỘI 3
5	LẠNG SƠN
6	TUYÊN QUANG
7	HÀ GIANG
8	CAO BẰNG
9	QUẢNG NINH
10	BẮC GIANG
11	SƠN LA
12	LÀO CAI
13	HẢI DƯƠNG
14	NAM ĐỊNH
15	NINH BÌNH
16	THANH HÓA
17	NGHỆ AN
18	HÀ TĨNH
19	QUẢNG BÌNH
20	ĐÀ NẴNG
21	GIA LAI
22	BÌNH PHƯỚC
23	CẦN THƠ

DANH SÁCH NPP

STT	TÊN NPP	ĐỊA CHỈ	SĐT
1	NHÀ MÁY	746 Nguyễn Văn Linh,p Niệm Nghĩa, q Lê Chân, tp Hải Phòng	0934745377
2	NPP ÁNH SÁNG	Chương Mỹ, Hà Nội	0762677005
3	NPP VINH	47 ngõ 148 Ngọc Hồi-TT Văn Điển - Thanh Trì -HN	0984048545
4	NPP VIỆT	Ngõ 50 - P.Thượng Thanh-Long Biên - HN	0358057398
5	NPP TUẤN MINH	286 Hùng Vương,p Mai Pha, t.p Lạng Sơn tỉnh Lạng Sơn	0936932333
6	NPP THẾ TÀI	889 Dương Tự Minh t.p Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0962659383
7	CTY TNHH DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI B&T	số 19 Bế Văn Đàn, p Minh Khai, t.p Hà Giang, tỉnh Hà Giang	0912118856
8	NPP HẢI CƯỜNG	Km4 tổ 2 Phường Sông Hiến, t.p Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	0979336766
9	NPP PHÁT LỘC	Quang Trung -Uông Bí - Quảng Ninh	0399082116
10	NPP HẠNH HOẠT	Thôn Cầu Trong-Mỹ Thái-Lạng Giang-Bắc Giang	0399642588
11	NPP ĐỨC MINH	TK 68 - TT Nông Trường-Mộc Châu-Sơn La	0966235352
12	NPP HOÀNG LIÊN	Tổ 6B-TT Phố Ràng-Bảo Yên-Lào Cai	0886785222
13	NPP HOÀNG NAM	Số 82 Cô Đông, p Bình Hàn , t.p Hải Dương, tỉnh Hải Dương	0785585888
14	NPP TUẤN HUỆ	Quang Trung - huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định	0944088800
15	NPP TRƯỜNG NGHĨA	phố Phúc Lộc, p Ninh Phong - t.p Ninh Bình tỉnh Ninh Bình	0348977104
16	NPP TUẤN KHANG	Đội 11 Trung Định, Quảng Định, Quảng Xương, Thanh Hoá	0378151022
17	NPP TUẤN BƯỞI	KDT Cầu Dâu-Tràng Sơn-Đô Lương-Nghệ An	0916164648
18	NPP HUY HOÀNG	Thôn Trí Nang-Thạch Khê-Thạch Hà-Hà Tĩnh	0986456383
19	NPP QUANG HUY	145 Nguyễn Đức Cảnh-Quán Hâu-Quảng Ninh-Quảng Bình	0383866768
20	NPP THU	Dũng Sỹ Thanh Khê, p Thanh Khê Tây, q Thanh Khê, tp Đà Nẵng	0905460654
21	NPP NGỌC ĐỨC	Số 22 Nguyễn Bá Lại-Tổ 8 Phường Thắng Lợi-TP PleiKu	0914156259
22	NPP GIA BẢO	thôn 2, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	0852660666
23	NPP THANH NHẪN	khu vực Lân Thạnh 2, p Tân Lộc, q Thốt Nốt, t.p Cần Thơ	0907114123

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 10 năm 2019

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: ...~~22~~.../2019/HĐ-TCXD

Gói thầu số 01: Sửa chữa hệ thống cáp điện tổng hạ thế.

Công trình: Sửa chữa hệ thống cáp điện tổng hạ thế trạm bơm Quán Vĩnh.

Địa điểm: Số 249 Tôn Đức Thắng - Lê Chân - Hải Phòng

A- CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về hợp đồng trong lĩnh vực xây dựng; Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng;
- Quyết định số 633A/QĐ-CTCN ngày 20/9/2019 của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Sửa chữa hệ thống cáp điện tổng hạ thế trạm bơm Quán Vĩnh;
- Quyết định số 741/QĐ-CTCN ngày 16/10/2019 của Công ty CP Cấp nước Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Sửa chữa hệ thống cáp điện tổng hạ thế thuộc công trình: Sửa chữa hệ thống cáp điện tổng hạ thế trạm bơm Quán Vĩnh.

B- THÀNH PHẦN KÝ HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên A):

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

Đại diện là: Ông **Trần Việt Cường** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

Tài khoản: 112000009342

Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Hải Phòng
Mã số thuế: 0200171274
Điện thoại: 0225.37.45.377 Fax:0225.38.23.748

2. Nhà thầu thi công (Bên B):

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE**
Đại diện là: Ông **Chu Ngọc Tú** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn An Dương, huyện An Dương, TP.Hải Phòng
Tài khoản: 9889868
Tại: Ngân hàng ACB – Chi nhánh Hải Phòng
Mã số thuế: 0201817666
Điện thoại: 0225.2838919 Fax:0225.2838919

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công gói thầu số 01: Sửa chữa hệ thống cáp điện tổng hạ thế thuộc công trình: Sửa chữa hệ thống cáp điện tổng hạ thế trạm bơm Quán Vĩnh.

Điều 1. Nội dung và khối lượng công việc:

Bên B thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được bên A chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng. Các công việc cụ thể bên B phải thực hiện bao gồm:

- Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng.
- Cung cấp vật tư, vật liệu, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng.
- Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.
- Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).
- Thực hiện nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.
- Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;
- Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;
- Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;
- Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm thỏa thuận dự thảo hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng.

2.2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm:

- + Các điều khoản của hợp đồng;
- + Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- + Các phụ lục của hợp đồng;
- + Các tài liệu khác có liên quan.

2.3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng theo thứ tự quy định tại khoản 2.2 Điều này.

Điều 3. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng:

3.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng:

- Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được bên A chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật, Bảng khối lượng hợp đồng được nêu trong Bảng đơn giá dự thầu hạng mục công trình phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định hiện hành về quản lý chất lượng công trình xây dựng của nhà nước;
- Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị do bên B cung cấp có nguồn gốc xuất xứ và chất lượng như quy định của hồ sơ hợp đồng.

3.2. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

- Bên A chỉ nghiệm thu các sản phẩm của hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định.
- Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được bên A chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ xuất xưởng; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao...
- Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:
 - + Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành, nhật ký thi công và các hồ sơ pháp lý liên quan;
 - + Chứng chỉ xuất xưởng vật tư, vật liệu, thiết bị, sản phẩm cần nghiệm thu...

3.3. Nghiệm thu, bàn giao công trình:

Sau khi các công việc theo hợp đồng được hoàn thành thì bên B và bên A tiến hành nghiệm thu công trình. Sau khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

Điều 4. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng:

4.1. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Bên B sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện hợp đồng mà không được chậm trễ.

Bên B phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng trong khoảng thời gian 15 ngày kể từ ngày bên A bàn giao mặt bằng cho bên B.

4.2. Tiến độ thực hiện hợp đồng

Căn cứ vào thời gian thực hiện hợp đồng Bên B phải lập tiến độ chi tiết để trình cho bên A trong vòng 02 ngày sau khi hợp đồng được ký kết.

Điều 5. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

5.1. Giá hợp đồng:

- Tổng giá trị hợp đồng là: **768.639.000 VNĐ** (đã bao gồm thuế VAT)

(Bằng chữ: Bảy trăm sáu tám triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn./.)

- Hợp đồng này là hợp đồng trọn gói

- Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Biểu giá hợp đồng

- Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của bên B và tất cả các loại thuế, phí (nếu có) liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

5.2. Tạm ứng:

- Bên A tạm ứng cho Bên B: **153.000.000** đồng (tương ứng với 20% giá trị hợp đồng) sau khi hợp đồng có hiệu lực.

5.3. Thời hạn thanh toán:

5.3.1. Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên B.

5.3.2. Bên A chậm thanh toán 30 ngày sau thời hạn theo quy định tại điểm 5.3.1 nêu trên thì phải bồi thường cho bên B theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do ngân hàng thương mại mà bên B mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên A thanh toán đầy đủ cho bên B.

5.4. Thanh toán tiền bị giữ lại

Bên A sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho bên B khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều 12 [Bảo hiểm và Bảo hành]

5.5. Đồng tiền và hình thức thanh toán

Đồng tiền thanh toán: đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

5.6. Hồ sơ thanh toán:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế có xác nhận của đại diện bên A và đại diện bên B; Tư vấn giám sát;

- Bảng xác định giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên A và đại diện bên B và được bên A phê duyệt;

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng thi công

Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng xây dựng được quy định sau:

- Trường hợp thay đổi thiết kế xây dựng công trình được bên A chấp thuận mà làm thay đổi khối lượng cần thực hiện theo hợp đồng thì phần khối lượng này (tăng, giảm, bổ sung) phải được điều chỉnh tương ứng và các bên xác nhận làm cơ sở ký kết Phụ lục hợp đồng.
- Khi bổ sung khối lượng công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá công việc này trước khi thực hiện. Việc xác định đơn giá theo Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận trong hợp đồng. Đơn giá này phải được chủ đầu tư phê duyệt.
- Bổ sung những khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng nhưng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; các khối lượng công việc đã có đơn giá trong hợp đồng được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế được nghiệm thu.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của bên A

7.1. Quyền của bên A:

- Từ chối nghiệm thu sản phẩm xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- Kiểm tra chất lượng công việc của bên B nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của bên B.
- Yêu cầu sửa chữa, thay thế sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
- Yêu cầu bên nhận B thay đổi cá nhân không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

7.2. Nghĩa vụ của bên A:

- Phải xin giấy phép xây dựng theo quy định (nếu có);
- Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho bên B quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;
- Cử người tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;
- Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho bên B theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;
- Thuê tư vấn giúp bên A giám sát thực hiện hợp đồng này (nếu có);
- Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;
- Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của bên B trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà bên A không trả lời thì coi như bên A đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của bên B.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của bên B

8.1. Quyền của bên B

- Được quyền đề xuất với bên A về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của bên A;
- Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết;

8.2. Nghĩa vụ của bên B

- Bên B phải cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại theo hợp đồng để thực hiện các công việc theo nội dung hợp đồng đã ký kết;
- Bên B phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;
- Bên B phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng;
- Nhân lực của bên B phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Bên A có thể yêu cầu bên B sa thải bất cứ nhân lực nào ở công trình, kể cả đại diện của bên B nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.
- Bên B phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

Điều 9. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

9.1. An toàn lao động

- Bên B phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.
- Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.
- Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Bên B có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

- Bên B có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.
- Khi có sự cố về an toàn lao động, bên B có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do bên B không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

9.2. Bảo vệ môi trường

- Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.
- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.
- Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp bên B không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì bên A, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu bên B thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

9.3. Phòng chống cháy nổ:

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Điều 10. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi bên A

10.1. Tạm dừng thực hiện công việc của hợp đồng bởi bên A

- Nếu bên B không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo yêu cầu bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian 15 ngày.
- Bên A quyết định ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng khi bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo hợp đồng đã ký kết.
- Trước khi tạm dừng, bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho bên B không ít hơn 5 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng.

10.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A

- Bên A sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu bên B:
- Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng;
- Không có lý do chính đáng mà 7 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng;
- Giao thầu phụ toàn bộ công trình, hoặc chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của bên A;
- Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy

quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

- Sự lựa chọn của bên A trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của bên A theo hợp đồng.

Điều 11. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Bên B được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

- Bên A về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng;
- Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Điều 12. Bảo hiểm và bảo hành

12.1. Bảo hiểm

- Bên B phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của bên B, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

12.2. Bảo hành

- Bên A giữ lại giá trị bảo hành bằng 5% giá trị quyết toán hợp đồng được phê duyệt hoặc bên B phải nộp Bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng, tổ chức tín dụng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cung cấp, giá trị bảo lãnh tương ứng bằng 5% giá trị quyết toán hợp đồng được phê duyệt. Thời hạn của bảo hành là 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

- Trong thời gian bảo hành công trình, bên B phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của bên B gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của bên B. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 05 ngày sau khi nhận được thông báo của bên A về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà bên B không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì bên A có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này. Toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do bên B chịu, chi phí sẽ được bên A thông báo cho bên B và khấu trừ vào tiền bảo hành của bên B. Bên B buộc phải chấp thuận giá trị trên.

Điều 13. Thuởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

13.1. Thuởng hợp đồng: không áp dụng.

13.2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Bên nhận thầu: nếu chậm tiến độ quá 10 ngày thì phạt 0,5 % giá hợp đồng cho mỗi 10 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 14. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

14.1. Khiếu nại

1. Khiếu nại trong quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng trong Nghị định này được hiểu là khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện đúng nội dung hợp đồng đã ký. Khi đó, bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này.
2. Khi một bên khiếu nại bên kia thì phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ những nội dung khiếu nại.
3. Trong vòng năm mươi sáu (56) ngày kể từ khi nảy sinh vấn đề một bên thực hiện hợp đồng không phù hợp với các thỏa thuận đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.
4. Trong vòng hai mươi tám (28) ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký, nếu những căn cứ và dẫn chứng không thuyết phục, không hợp lý thì phải chấp thuận với những khiếu nại của bên kia. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.
5. Các khiếu nại của mỗi bên phải được gửi đến đúng địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ trao đổi thông tin mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Các khiếu nại không được giải quyết bởi các bên tham gia hợp đồng sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

14.2. Xử lý các tranh chấp

- Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.
- Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.
- Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

14.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 15. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

15.1. Quyết toán hợp đồng

Trong vòng 10 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, bên B sẽ trình cho bên A 06 bộ quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà bên A đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (gọi là quyết toán A-B);
- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;
- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

15.2. Thanh lý hợp đồng

1. Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 10 của hợp đồng và Điều 11 của hợp đồng.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ).

15.3. Chấm dứt trách nhiệm của bên A

- Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.

Điều 16. Hiệu lực của hợp đồng

16.1. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng:

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký

16.2. Tính pháp lý của hợp đồng xây dựng:

- Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà bên A, bên B và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;
- Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Điều Khoản chung

17.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.

17.2. Hợp đồng này bao gồm 10 trang được lập thành 4 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A sẽ giữ 03 bản. Bên B sẽ giữ 01 bản.



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Chu Ngọc Tú

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Việt Cường



BIỂU GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số 226./2019/HĐ-TCXD, ngày 17/10/2019)

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Lắp đặt dây dẫn điện 1x300mm ² (bao gồm cung cấp vật tư, vật liệu, đào hào cáp, kéo dài dây điện hạ thế 1x300mm ² , làm đầu cốt D300, lắp hoàn trả tuyến đào)	m	782	955.722	747.374.599
2	Lắp đặt tủ điện hạ thế kt: 1000*900*630mm (bao gồm cung cấp vật tư, vật liệu, lắp đặt tủ điện, sứ đỡ thanh cái, lắp đặt thanh cái đồng 80*6mm)	tủ	2	10.632.039	21.264.078
	TỔNG CỘNG				768.638.677
	LÀM TRÒN				768.639.000
(Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn./.)					

**VINSHINE ELECTRIC EQUIPMENT JSC.,**

Hamlet 3, An Duong ward, An Duong
district, Hai Phong City, Vietnam
Website: www.vinshine.vn

Tel: 84 - 225 - 3838 919
Fax: 84 - 225 - 3838 919
Email: vsighting@vinshine.vn

Hai Phòng, ngày 05 tháng 10 năm 2019

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 65/EX/VS-VL/2019

- ◆ Căn cứ luật dân sự số 33/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt nam.
- ◆ Căn cứ luật thương mại số 36/2005 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước CNXHCN Việt nam.
- ◆ Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT LONG HẢI PHÒNG

Được gọi là bên mua:

Địa chỉ : Số 1B Trần Hưng Đạo, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại : 0225. 8605068 Fax: 0225. 8605068
Tài khoản : 10923945151.012
Ngân hàng : Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Hải Phòng
Mã số thuế : 0201145936
Đại diện : **Đặng Hùng Dũng** Chức vụ: **Giám đốc**

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE

Được gọi là bên bán:

Địa chỉ : Tổ dân phố số 3 (tại nhà bà Nguyễn Thanh Hương), Thị trấn An Dương, Huyện
An Dương, TP. Hải Phòng.
Tài khoản : 9889868
Ngân hàng : ACB – Chi nhánh Ngô Quyền, Hải Phòng
Mã số thuế : 0201817666
Người đại diện : Ông **Chu Ngọc Tú** Chức vụ **Giám Đốc**

Sau khi thương thảo hai bên thoả thuận ký hợp đồng mua bán hàng mục vật tư thiết bị điện với nội dung như sau:

Điều 1: CHŨNG LOẠI, SỐ LƯỢNG VÀ GIÁ CẢ HÀNG HÓA

Bên B đồng ý bán cho bên A sản phẩm với tên hàng, số lượng, chủng loại, giá cả như sau:

TT	Tên sản phẩm	Hãng sản xuất	Đơn Vị	Số lượng	GIÁ TRỊ	
					Đơn Giá	Thành Tiền
1	Cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 2x16mm ²	Korea- Vina	m	700	65,431	45,801,700
2	Cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x10+1x6mm ²	Korea- Vina	m	1,813	72,989	132,329,057
3	Cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+1x10mm ²	Korea- Vina	m	824	109,742	90,427,408
4	Cáp mềm Cu/XLPE/PVC 3x1,5mm ²	Korea- Vina	m	1044	9,732	10,160,208
5	Cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x2,5mm ²	Korea- Vina	m	175	28,988	5,072,900
6	Cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 12x2,5mm ²	Korea- Vina	m	236	73,506	17,347,416

7	Cáp mềm Cu/XLPE/PVC 4x1,5mm ² 8,213,808	Korea- Vina	m	200	12,631	2,526,200
8	Dây tiếp địa M10	Korea- Vina	m	2,840	15,840	44,985,600
8	Đèn đường lá 125W - Điện áp: 110-227V - Hệ số công suất: 0.9 - Nhiệt độ màu: 5000K - CRI >80Ra - Khả năng chịu xung sét: 10KV - Quang thông chip LED: 17650lm - Quang thông bộ đèn: 15000lm - Hiệu suất phát quang bộ đèn: 120lm/w - Kích thước vỏ đèn 725x285x100mm ±5% - Màu sắc vỏ đèn: Màu ghi xám - Cấp bảo vệ IP66 - Nhiệt độ làm việc 10 - 45 ⁰ c - Bộ nguồn tích hợp điều chỉnh 5 cấp công suất theo thời gian	VS-LIGHTING	Bộ	40	2,008,721	80,348,840
8	Đèn đường lá 160W - Điện áp 110-227V - Hệ số công suất 0.9 - Nhiệt độ màu 5000K - CRI >80Ra - Khả năng chịu xung sét 10KV - Quang thông chip LED: 23520lm - Quang thông bộ đèn: 20000lm - Hiệu suất phát quang bộ đèn: 125lm/w - Kích thước vỏ đèn 725x285x100mm ±5% - Màu sắc vỏ đèn: Màu ghi xám - Cấp bảo vệ IP66 - Nhiệt độ làm việc 10 - 45 ⁰ c - Bộ nguồn tích hợp điều chỉnh 5 cấp công suất theo thời gian	VS-LIGHTING	Bộ	44	2,254,230	99,186,120
8	Đèn đường pha 200W - Thân đèn làm bằng inox - Vỏ nhôm nguyên khối sơn tĩnh điện - Nhiệt độ hoạt động 5-40 ⁰ C - Khả năng chịu xung sét 10KV - Tiêu chuẩn chip LED LM80 - Cấp bảo vệ: IP66	VS-LIGHTING	Bộ	8	2,662,000	21,296,000
TỔNG CỘNG						549,481,449

Tổng giá trị sau thuế của hợp đồng là: 549,481,449 (Bằng chữ : Năm trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng./.).

Điều 2: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG - BẢO HÀNH

- 2.1 Hàng hoá được sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008, hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2004.
- 2.2 Đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất
- 2.3 BẢO HÀNH: Sản phẩm đèn Led sẽ được bảo hành 24 tháng kể từ ngày vận hành nhưng không quá 30 tháng kể từ ngày giao hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước. Điều kiện bảo hành chỉ được thực hiện nếu sản phẩm bị hư hỏng là do lỗi của nhà sản xuất.

Điều 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 3.1 Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, đồng tiền thanh toán là VND.
- 3.2 Phương thức thanh toán:
+ Tạm ứng 30% số tiền của hợp đồng sau khi hợp đồng được ký kết

+ Thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng trước khi giao hàng

Điều 4: GIAO NHẬN - VẬN CHUYỂN

4.1 Tiến độ giao hàng:

Hàng hóa được giao trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bên B nhận được tiền đặt cọc.

4.2 Địa điểm, số lần giao hàng và người nhận hàng:

Giao được giao 01 lần tại kho của bên A trên phương tiện của bên B.

Người nhận hàng: Thông báo sau

SĐT: Thông báo sau

4.3 Chứng từ bên bán giao cho bên mua trong quá trình giao hàng hóa là:

- Test report (bản copy).

- Chứng nhận chất lượng và số lượng, chứng nhận xuất xứ được phát hành bởi đơn vị lắp ráp/sản xuất (bản gốc).

4.4 Bên Mua phải thông báo cho bên Bán kế hoạch nhận hàng trong vòng 02 ngày trước khi bên bán cho hàng đi.

Điều 5: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

5.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như các: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, hỏa hoạn, tại nạn giao thông, chiến tranh hoặc các nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác; sự thay đổi chính sách hoặc việc ngăn cấm cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

5.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp Đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng, nếu một trong hai bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng do nguyên nhân bất khả kháng thì không bị xem là vi phạm hợp đồng.

Điều 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này, mọi thay đổi (nếu có) phải được thông báo bằng văn bản cho bên kia trước ít nhất 15 ngày. Mọi chi phí phát sinh cho thay đổi hợp đồng do nguyên nhân từ Bên nào thì Bên đó có trách nhiệm thanh toán.

6.1 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kể từ ngày hàng về đến đơn vị sử dụng, nếu phát hiện thấy chi tiêu kỹ thuật, chất lượng hàng hóa, số lượng hàng hóa không phù hợp với hợp đồng, bên A có quyền khiếu nại bên B. Bên B có nghĩa vụ giải quyết mọi khiếu nại của bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, các chi phí liên quan tới giải quyết khiếu nại do bên có lỗi chịu.

6.2 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được coi như là thanh lý khi hai bên thanh toán, quyết toán xong.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



GIÁM ĐỐC
ĐĂNG HÙNG DŨNG



GIÁM ĐỐC
Chu Ngọc Tú



VINSHINE ELECTRIC EQUIPMENT JSC .,

Head office: Hamlet 3, An Duong ward, An Duong district, Hai Phong City, Vietnam Tel: 0934745377

Email: ngoctu@vinshine.vn

Factory: 746 Nguyen Van Linh Street, Niem Nghia ward, Le Chan district, Hai Phong City, Viet Nam Website: www.vinshine.vn

NĂNG LỰC NHÀ SẢN XUẤT

NGUỒN NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp – QUACERT cấp.

Tổng số kỹ sư, cử nhân chuyên môn: 10 người

Tổng số trung cấp chuyên môn: 7 người

Tổng số công nhân kỹ thuật lành nghề: 66 người bao gồm:

Số công nhân bậc 6/7: 15 người

Số công nhân bậc 5/7: 12 người

Số công nhân bậc 4/7: 10 người

Số công nhân bậc 3/7: 05 người

Số công nhân trực tiếp sản xuất: 24 người

Số công nhân trực tiếp sản xuất:

Số lượng kỹ sư, cán bộ nhân viên, công nhân kỹ thuật lành nghề được đào tạo về an toàn vận hành trong kỹ thuật sản xuất: 100% CBCN.

Toàn bộ số công nhân trên đều có kỹ thuật lành nghề và có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực sản xuất dây cáp điện. Ngoài ra còn có đội ngũ cán bộ trình độ đại học chuyên ngành chế tạo máy, tự động hóa, tài chính-kế toán trực tiếp điều hành quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh.

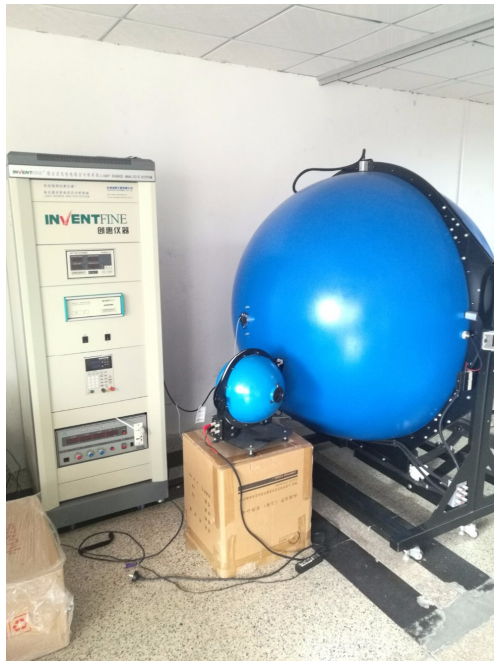
NĂNG LỰC THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

Với thế mạnh nhà xưởng sản xuất quy mô với trang thiết bị công nghệ hiện đại, Vinshine Lighting luôn chủ động trong các khâu sản xuất và hoàn thiện sản phẩm đèn LED với chất lượng cao đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2015;

- Nghiên cứu, thiết kế, phát triển sản phẩm
- Sản xuất, lắp ráp mạch PCB cho đèn
- Sản xuất Modul Led, cắm dán linh kiện tự động và bán tự động
- Lắp ráp hoàn chỉnh các sản phẩm bóng đèn theo yêu cầu
- Các thiết bị đo test quang thông, già hóa, test thông số, tính năng của đèn.

Dưới đây là 1 số máy móc công nghệ tiêu biểu của Công ty chúng tôi

1. Máy đo quang thông, Test thông số đèn



2. Máy in laser, thông số sản phẩm



3. Máy test độ hoạt động ổn định và sự già hóa của đèn



4. Máy sản xuất sản phẩm Bulb LED







CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VINSHINE

Trụ sở: Tổ 3, thị trấn An Dương, huyện An Dương, Hải Phòng.

Nhà máy: Số 28 An Trì, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Số điện thoại: 02252.838.919 Fax: 02252.838.919

Email: vsighting@vinshine.vn Website: www.vinshine.vn